

Tương Ưng Bộ Kinh

(Samyutta Nikàya)

Tập 3 Thiên Uẩn

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Chương I: Tương Ưng Uẩn

A. Năm Mười Kinh Căn Bản

I. Phẩm Nakulapitā

I. Nakulapitā (Tập, 5.5 Trường Giá, Đại 2,33a) (Tăng 13.4, Đại 2,573a) (S.iii,1)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhayga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesaka, vườn Nai.

2) Rồi gia chủ Nakulapitā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitā bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, tướng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

4) -- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải

học tập như sau: "Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh". Như vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập.

5) Rồi gia chủ Nakulapitā sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên.

6) Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Nakulapitā đang ngồi một bên:

-- Này Gia chủ, tịch tịnh là các căn của Gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của Gia chủ. Có phải hôm nay Gia chủ đối diện với Thế Tôn, được nghe pháp thoại?

-- Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại!

-- Như thế nào, này Gia chủ, Gia chủ được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại?

7) -- Ở đây, thưa Tôn giả, con đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả, con bạch Thế Tôn:

"-- Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trường lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng dạy cho con! Nhờ vậy con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!"

Được nghe nói vậy, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói với con:

"-- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm yếu, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự

cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như sau: 'Dầu thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh!'

Như vậy, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại.

8) -- Nhưng này Gia chủ, Gia chủ có hỏi thêm Thế Tôn như sau: "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là thân bị bệnh và tâm cũng bị bệnh? Cho đến như thế nào là thân bị bệnh, nhưng tâm không bị bệnh không?"

9) -- Thưa Tôn giả, con có thể đi đến thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

10) -- Vậy này Gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói.

-- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Nakulapitā vâng đáp Tôn giả Sàriputta.

11) Tôn giả Sàriputta nói như sau:

-- Thế nào, này Gia chủ, là thân bệnh và tâm bệnh?

12) Ở đây, này Gia chủ, có kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta." khi sắc biến hoại, đổi

khác; do sắc biến hoại, đổi khác, nên vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

13) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên do thọ biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

14) Vị ấy quán tướng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tướng, hay tướng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tướng. Vị ấy bị ám ảnh: "Tướng là ta, tướng là của ta". Do bị ám ảnh: "Tướng là ta, tướng là của ta" khi tướng biến hoại, đổi khác; nên do tướng biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

15) Vị ấy quán các hành như là tự ngã hay tự ngã như là có các hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; do các hành biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

16) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên do thức biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

17) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh và tâm có bệnh.

18) Thế nào, này Gia chủ, là thân có bệnh nhưng tâm không có bệnh?

19) Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy

không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

24) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh.

25) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.

II. Devadaha (Tập 5.6, Tây, Đại 2,33b) (Tăng 41.4, Đại 2,745b) (S.iii,5)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.

-- Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sàriputta chưa?

-- Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sàriputta.

-- Này các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sàriputta. Sàriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, là người đỡ đầu các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

4) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta đang ngồi dưới cây ba đậu (elagalà: cassia), không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sàriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bạc Đạo Sư đã cho phép chúng tôi.

7) -- Nay các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lijhiền trí, các Bà-la-môn hiền trí, các Gia chủ hiền trí, các Samôn hiền trí. Nay chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát, sẽ hỏi: "Bạc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?" Để khi trả lời, các Tôn giả có thể lập lại các ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp, và không để một vị đồng phạm hạnh nào, nói lời đúng pháp, có thể có lý do để quả trách.

8) -- Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta nói về ý nghĩa của lời nói

này! Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

9) -- Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

-- Thừa vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

10) -- Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Này các Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát, có thể hỏi: "Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?" Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: "Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham".

11) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Có những vị Sát-đế-lị hiền trí... có những Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát, có thể hỏi: "Đối với cái gì, bậc Đạo Sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham".

12) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, có thể hỏi: "Nhưng thấy sự nguy hiểm gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, bậc Đạo Sư các Tôn

giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Ông cần phải trả lời như sau: "Này các Hiền giả, đối với sắc, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này chư Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo Sư của chúng tôi nói lên sự điều phục dục và tham".

13) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lị hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): "Nhưng thấy sự lợi ích gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt tình, đã viễn ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức".

14) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các bất thiện pháp và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú, đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

15) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống bị đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Do vậy, đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

16) Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Đây không phải là sự thành tựu các thiện pháp được Thế Tôn tán thán.

17) Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Do vậy, đây là sự thành tựu các thiện pháp, được Thế Tôn tán thán.

18) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta nói.

III. Hāliddikàni (Tập, 20.15, Kha-lê, Đại 2,144a) (S.iii,9)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna (Ma-ha Ca-chiên-diên) sống giữa các dân chúng Avanti, tại Kulaghara bên bờ một vực núi.

2) Rồi gia chủ Hāliddikàni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna; sau khi đi đến, đánh lễ Tôn giả Mahà Kaccàna rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikàni nói với Tôn Giả Mahà Kaccàna :

- Thưa Tôn Giả , Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Māgandiya" như sau:

*"Bậc Thánh bỏ gia đình,
Đu hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hảo huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai".*

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

4) -- Sắc giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham sắc giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thọ giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham thọ giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Tưởng giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham tưởng giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Hành giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham hành giới trói buộc, này Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thức giới, này Gia chủ, là nhà của thức. Thức bị lòng tham thức giới trói buộc, này

Gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Như vậy, này Gia chủ, là du hành có gia đình.

8) Và này Gia chủ, thế nào là du hành không gia đình?

9) Đối với sắc giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

10) Đối với thọ giới, này Gia chủ...

11) Đối với tưởng giới, này Gia chủ...

12) Đối với hành giới, này Gia chủ...

13) Đối với thức giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

14) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không gia đình.

15) Như thế nào, này Gia chủ, là du hành có trú xứ? Bị trói buộc bởi an trú chấp trước (niketa-visàra) vào sắc tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ... vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng. Bị trói buộc bởi an trú chấp trước vào pháp tướng, này Gia chủ, gọi là du hành có trú xứ. Như vậy, này Gia chủ, là du hành có trú xứ.

16) Như thế nào là du hành không trú xứ? Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào sắc tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như

thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ. Sự trói buộc bởi an trú chấp trước vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng... vào pháp tướng, này Gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ.

17) Như vậy, này Gia chủ, là du hành không trú xứ.

18) Như thế nào, này Gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng? Ở đây, này Gia chủ, có người sống thân mật với gia chủ, cùng vui, cùng buồn. Giữa những người sung sướng, vị ấy sung sướng. Giữa những người buồn khổ, vị ấy buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, tự liên hệ mình vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng.

19) Và như thế nào, này Gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng? Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo không sống quá thân mật với gia chủ, không cùng vui, không cùng buồn, không vui sướng giữa những người sung sướng, không buồn khổ giữa những người buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, không tự mình liên hệ vào các công việc ấy. Như vậy, này Gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng.

20) Như thế nào, này Gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này Gia chủ, có người không ly tham đối với các dục vọng, không ly dục, không ly ái, không ly khát, không ly nhiệt nảo, không ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là không tuyệt không đối với các dục.

21) Như thế nào, này Gia chủ, là tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này Gia chủ, có người ly tham đối với các dục,

ly dục, ly ái, ly khát, ly nhiệt não, ly khát ái. Như vậy, này Gia chủ, là tuyệt không các dục.

22) Như thế nào, này Gia chủ, là hy vọng hão huyền? Ở đây, này Gia chủ, có người suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" Như vậy, này Gia chủ, là hy vọng hão huyền.

23) Như thế nào, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền? Ở đây, này Gia chủ, có người không có suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai! Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai! Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai! Mong rằng có các hành như vậy trong tương lai! Mong rằng có thức như vậy trong tương lai!" Như vậy, này Gia chủ, là không hy vọng hão huyền.

24) Như thế nào, này Gia chủ, là tranh luận với người? Ở đây, này Gia chủ, có người nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Sao Ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông đã phạm vào tà kiến. Ta mới thật đúng chánh kiến. Những điều đáng nói trước, Ông lại nói sau. Những điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Lời nói của ta mới tương ứng. Lời nói của Ông không tương ứng. Chủ kiến của Ông đã bị bài bác. Câu nói của Ông đã bị thách đố. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Ông đã bị thuyết bại. Nếu có thể được, hãy gắng thoát ra khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là tranh luận với người.

25) Như thế nào, này Gia chủ, là không tranh luận với người? Ở đây, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo không nói lời nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này.... .. Hãy thoát ra

khỏi lối bí". Như vậy, này Gia chủ, là không tranh luận với người.

26) Như vậy, này Gia chủ, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Màngandiya" như sau:

*"Bậc Thánh bỏ gia đình,
Đu hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng.
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai".*

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, này Gia chủ, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

IV. Hāliddikàni (Tập 20.16 Kha-lê, Đại 2,144c) (S.iii,12)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kaccàna sống giữa dân chúng Avanti, tại Kulaghara, bên bờ một vực núi.

2) Rồi gia chủ Hāliddikàni đi đến Tôn giả Mahà Kaccàna... rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikàni nói với Tôn giả Mahà Kaccàna:

4) -- Thế Tôn đã nói trong tập Các Câu hỏi Của Sakka như vậy: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện, đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đã hoàn toàn hành Phạm hạnh, đã hoàn toàn đạt được mục đích, là bậc tối thượng giữa loài Trời, loài Người". Với lời nói vắn tắt

này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

5) -- Đối với sắc giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp, tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khước chúng một cách hoàn toàn; như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

6) Đối với thọ giới, này Gia chủ...

7) Đối với tưởng giới, này Gia chủ...

8) Đối với hành giới, này Gia chủ...

9) Đối với thức giới, này Gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp, tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khước chúng một cách hoàn toàn; như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

10) Như vậy, này Gia chủ, là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến trong tập Các Câu hỏi Của Sakka: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện, đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đã hoàn toàn hành Phạm hạnh, đã hoàn toàn đạt được mục đích, là bậc tối thượng giữa loài Trời và loài Người".

V. Thiền Định (Tập 3.7-8 Thọ, Đại 2,17a) (Tập 3.1. Sanh Diệt, Đại 2,15b) (Tập 3.2 Bất Thừa, Đại 2,15b) (S.iii,13)

1) Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi...

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiên định. Vị Tỷ-kheo có Thiên định, này các Tỷ-kheo, hiểu biết một cách như thật.

3) Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt; thọ tập khởi và đoạn diệt; tưởng tập khởi và đoạn diệt; các hành tập khởi và đoạn diệt; thức tập khởi và đoạn diệt.

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là các hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước rồi an trú. Hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước và an trú gì?

6) Hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước rồi an trú sắc. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

7-10) Hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước rồi an trú thọ... rồi an trú tưởng... rồi an trú các hành... rồi an trú thức. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đấm trước rồi an trú thức, hỷ khởi lên. Do hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt, thế nào là thọ đoạn diệt, thế nào là tưởng đoạn diệt, thế nào là

các hành đoạn diệt, thế nào là thức đoạn diệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.

13) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì? Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

14) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

15-16) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú các hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú các hành, hỷ đối với các hành đoạn diệt. Do hỷ đối với các hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

17) Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

18) Nay các Tỷ-kheo, đây là sắc đoạn diệt, đây là thọ đoạn diệt, đây là tưởng đoạn diệt, đây là các hành đoạn diệt, đây là thức đoạn diệt.

VI. Tinh Mặc (Tập, 3.7-8, Thọ, Đại 2,17a) (S.iii,15)

1) Nhân duyên tại Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, hãy trú tâm, dán tâm vào tinh mặc. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có tinh mặc hiểu biết một cách như thật.

3) Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt; thọ tập khởi và đoạn diệt; tưởng tập khởi và đoạn diệt; các hành tập khởi và đoạn diệt; thức tập khởi và đoạn diệt (Như kinh trước, từ số 4 đến số 18).

VII. Chấp Thủ Và Ưu Não (Tập 2.11 Thủ Trước, Đại 2,10c) (S.iii,15)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, người ấy quán sắc như

là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc sau khi xâm nhập tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

5) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ trong tự ngã, hay tự ngã trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm nhập nên khủng bố (uttāsava), chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

6-7) Vị ấy quán tướng như là tự ngã... vị ấy quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có các hành, hay các hành trong tự ngã, hay tự ngã trong các hành. Đối với vị ấy, các hành ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi các hành ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của các hành sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

8) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức trong tự ngã, hay tự ngã trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm

bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

10) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?

11) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

12) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

13) Không quán tưởng như là tự ngã...

14) Không quán các hành như là tự ngã...

15) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

16) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự không chấp thủ, không ưu não.

VIII. Chấp Thủ Và Ưu Não (Tập 2.12, Hị Trước, Đại 2,11a) (S.iii,18)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não...

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu quán sắc: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi". Sắc ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

5) ... quán thọ...

6) ... quán tưởng....

7) ... quán các hành...

8) ... quán thức: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi". Thức ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này khi thức ấy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

10) Này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?

11) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử quán sắc: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải là tự ngã của tôi". Sắc ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc biến hoại, đổi khác, không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não.

12) ... quán thọ: "Đây không phải của tôi..".

13) ... quán tướng: "Đây không phải của tôi..".

14) ... quán các hành: "Đây không phải của tôi..".

15) ... quán thức: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi". Thức ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não.

16) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp thủ, không ưu não.

IX. Ba Thời Là Vô Thường (Tập 1.8 Quá Khứ, Đại 2,1c. Tập 3.29-30 Lược Thuyết, Đại 2,20a) (S.iii,19)

1) Nhân duyên ở Sávatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối (anapekkha), đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

3) Này các Tỷ-kheo, thọ là vô thường...

4) Này các Tỷ-kheo, tướng là vô thường...

5) Nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với các hành quá khứ không tiếc nuối, đối với các hành vị lai không hoan hỷ, đối với các hành hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, thức là vô thường trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

X. Ba Thời Là Khổ

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Sắc, nay các Tỷ-kheo, là khổ, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham đoạn diệt.

3) Thọ, nay các Tỷ-kheo, là khổ...

4) Tưởng, nay các Tỷ-kheo, là khổ...

5) Các hành, nay các Tỷ-kheo, là khổ...

6) Thức, nay các Tỷ-kheo, là khổ, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

XI. Ba Thời Là Vô Ngã (S.iii,20)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối, đối với sắc vị lai không hoan hỷ, đối với sắc hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

3) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

4) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

5) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

6) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, quá khứ, vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Vị Đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối, đối với thức vị lai không hoan hỷ, đối với thức hiện tại hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt.

II. Phẩm Vô Thường

I. Vô Thường (Tập 1.1 Vô thường, Đại 2,1a) (S.iii,21)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvathi...

2) Tại đây...

3-6) -- Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường..., thọ là vô thường..., tưởng là vô thường... các hành là vô thường..., thức là vô thường.

7) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức... Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Khô (S.iii,21)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) -- Này các Tỷ-kheo, sắc là khô..., thọ là khô..., tưởng là khô..., các hành là khô..., thức là khô...

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử...
"... không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Vô Ngã (S.iii,21)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) -- Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã..., thọ là vô ngã..., tưởng là vô ngã..., các hành là vô ngã..., thức là vô ngã...

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Cái Gì Vô Thường (Tập 1.9, Vô Thường, Đại 2,2a) (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3)-- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khô; cái gì khô là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Cái Gì Khổ (Tập 1.10 Vô Thường. Đại 2,2a) (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ...

5) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khổ...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Cái Gì Vô Ngã (S.iii,22)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã; cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VII. Có Nhân Là Vô Thường (Tập 1.11 Nhân. Đại 2,2a) (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Sắc đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thọ sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Thọ đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

5) Tướng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng vô thường. Thức đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui với trạng thái này nữa".

VIII. Có Nhân Là Khổ (Tập 1.12 Nhân. Đại 2,2b) (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng khổ. Sắc đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

4) Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ...

5) Tướng, này các Tỷ-kheo, là khổ...

6) Các hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng khổ. Thức đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IX. Có Nhân Là Vô Ngã (S.iii,23)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi; cái ấy cũng vô ngã. Sắc đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

4-6) Thọ... Tưởng... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi; cái ấy cũng vô ngã. Thức đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

8) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

X. Ananda (S.iii,24)

1) Ở tại Sàvatthi... trong vườn...

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- "Đoạn diệt, đoạn diệt", bạch Thế Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đoạn diệt?

4) -- Sắc, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt.

5) Thọ, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự

ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt.

6-7) Tưởng, này Ananda, là vô thường... Các hành, này Ananda, là vô thường...

8) Thức, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt.

9) Sự đoạn diệt của những pháp này, này Ananda, được gọi là đoạn diệt.

III. Phẩm Gánh Nặng

I. Gánh Nặng (Tập, 2.3, Trọng Đỡm. Đại 2,19a) (Tăng 25.4, Đại 2,631c) (S.iii,25)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

4) Này các Tỷ-kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng? Người là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng!

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên? Chính là tham ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

7) Này các Tỷ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

8) Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời.
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc, không khổ,
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhỏ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đời và khát,
Được giải thoát tịnh lạc!*

II. Liễu Tri (Parinna) (Tập 3.22 Trì Pháp. Đại 2,19a)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết những pháp cần phải liễu tri, phải được liễu tri. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói...

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải liễu tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải liễu tri, thọ là

pháp cần phải liễu tri, tưởng là pháp cần phải liễu tri, các hành là pháp cần phải liễu tri, thức là pháp cần phải liễu tri. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là liễu tri? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si, này các Tỷ-kheo, được gọi là liễu tri.

III. Thắng Tri (Tập 1.3, Vô Tri. Đại 2,1a) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri sắc, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

4) Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri thọ...

5-6) Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri tưởng... không thắng tri các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri thức, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

8) Này các Tỷ-kheo, do thắng tri sắc, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

9-11) Này các Tỷ-kheo, do thắng tri thọ... thắng tri tưởng... thắng tri các hành...

12) Này các Tỷ-kheo, do thắng tri thức, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

IV. Dục Tham (Tập 3.27 Tham, Đại 2,19c) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Dục và tham (chandaràga) đối với sắc, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, nhờ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

4) Dục và tham đối với thọ, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thọ ấy sẽ được đoạn trừ, nhờ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5) Dục và tham đối với tưởng...

6) Dục và tham đối với các hành...

7) Dục và tham đối với thức, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, nhờ tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

V. Vị Ngọt (Tập 1.14, Vị, Đại 2,2c) (S.iii,27)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bò-tát, Ta suy nghĩ như sau:

4) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của các hành? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?"

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

6) "Do duyên sắc, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của sắc; cái ấy

gọi là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục và tham đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là xuất ly của sắc".

7) "Do duyên thọ, lạc hỷ sanh..".

8) "Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh..".

9) "Do duyên các hành, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của các hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của các hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của các hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của các hành".

10) "Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của thức".

11) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

12) Nhưng nay các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta:

"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

VI. Vị Ngọt (S.iii,29)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của sắc. Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

4) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của sắc. Sự nguy hiểm của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

5) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của sắc. Sự xuất ly của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự xuất ly của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

6-8) Này các Tỷ-kheo, Ta đi tìm cầu vị ngọt của thọ...

9-11) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của tưởng...

12-14) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của các hành...

15) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thức. Vị ngọt của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

16) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Nguy hiểm của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

17) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

18-19) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là sự nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng... Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

20) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: "Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

VII. Vị Ngọt (Tập 1.13 Vi, Đại 2,2bb) (S.iii,29)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của sắc, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc.

4) -- Nay Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của sắc, thời các loài hữu tình không có yếm ly đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm của sắc cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với sắc.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với sắc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có sự xuất ly đối với sắc.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thọ...

9-11) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của tưởng...

12-14) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của các hành...

15) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thức, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức.

16) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với thức.

17) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức.

18) Nay các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, nay các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

19) Và nay các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, nay các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

VIII. Hoan Hỷ (Tập 1.7, Ư Sắc Hỷ Lạc, Đại 2,1c)(Tập 1.5, Đại 2,1b) (S.iii,31)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khổ.

4) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thọ...

5) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ tưởng...

6) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ các hành...

7) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thức, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy không giải thoát khỏi khổ.

8) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ sắc, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khổ.

9) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thọ...

10) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ tưởng...

11) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ các hành...

12) Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thức, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói, người ấy giải thoát khỏi khổ.

IX. Sanh Khởi (Tập 3.28 Sanh, Đại 2,20a) (S.iii,31)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy là khô sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

4-6) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ sanh, trú, khởi, hiện hữu... tưởng sanh, trú, khởi, hiện hữu... các hành sanh, trú, khởi, hiện, hữu...

7) Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy gọi là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

8) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc đoạn diệt, an chi, biến mất; cái ấy gọi là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chi, già chết biến mất.

9-11) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ đoạn diệt... tưởng đoạn diệt... các hành đoạn diệt...

12) Nay các Tỷ-kheo, cái gọi là thức đoạn diệt, an chi, biến mất; cái ấy là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chi, già chết biến mất.

X. Cội Gốc Của Đau Khổ (S.iii,32)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về đau khổ và cội gốc của đau khổ. Hãy lắng nghe...

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đau khổ? Sắc, này các Tỷ-kheo, là đau khổ; thọ là đau khổ; tưởng là đau khổ; các hành là đau khổ; thức là đau khổ. Đây, này các Tỷ-kheo, gọi là đau khổ.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là cội gốc của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

XI. Hoại Pháp (Tập 2, 19, Hoại Pháp, Đại 2, 12b) (S.iii,32)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hoại pháp và bất hoại pháp. Hãy lắng nghe...

4) Và này các Tỷ-kheo, cái gì là hoại pháp? Cái gì là bất hoại pháp?

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của sắc ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

7) Tưởng, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

8) Hành, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của thức ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

IV. Phẩm Không Phải Của Các Ông

I. Không Phải Của Các Ông (Tập 10.14 Kỳ Lâm, Đại 2,10b) (S.iii,33)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

6) Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

7) Tưởng, này các Tỷ-kheo...

8) Các hành, này các Tỷ-kheo...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang lại cỏ, củi, cành cây, lá của Jetavana này, và đốt chúng hay tùy theo duyên sử dụng chúng. Các Ông có nghĩ rằng: "Người ấy mang chúng tôi, hay đốt, hay tùy theo duyên sử dụng chúng tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì cái ấy không phải chúng con. Bạch Thế Tôn, cái ấy không phải thuộc tự ngã của chúng con.

11) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Thọ không phải của các Ông... Tưởng không phải của các Ông. Các hành không phải của các Ông... Thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

II. Không Phải Của Các Ông (S.iii,34)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Cái gì không phải của các Ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

5) Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

6-8) Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các Ông... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

9) Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

III. Tỷ Kheo (S.iii,35)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

[I]

2) Rồi một vị Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp tùy miên, người ta sẽ được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Cái gì người ta không thiên chấp tùy miên, người ta sẽ không được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi điều Ta nói một cách vắn tắt?

6) -- Bạch Thế Tôn, nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp tưởng, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp các hành, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh.

7) Bạch Thế Tôn, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thế Tôn, với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, Tỷ-kheo! Lành thay, với lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tướng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nay Tỷ-kheo, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh... Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tướng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

[II]

10) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. Vị Tỷ Kheo (S.iii,37)

1) Nhân duyên ở Sávatthi...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -- Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp một cách vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Này Tỳ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (anuseti), cái ấy người ta được đo lường (anopuyti). Cái gì người ta được đo lường, cái ấy người ta được xưng danh (sankham gacchati). Cái gì người ta không thiên chấp, cái ấy người ta không được đo lường. Cái gì người ta không được đo lường, cái ấy người ta không được xưng danh.

-- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) -- Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỳ-kheo, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Nếu thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh.

7) Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Rồi vị Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư...

11) Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

V. Ananda (S.iii,37)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

-- Này Ananda, nếu có người hỏi Ông: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được

thấy rõ?" Nếu được hỏi vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?

4) -- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau :

5) "Trong sắc, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

6) -- Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, trong sắc sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Này Ananda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi vậy, này Ananda, Ông phải trả lời như vậy.

VI. Ananda (S.iii,38)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này Ananda, nếu Ông được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh

khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?

4) -- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

5) "Đối với sắc quá khứ, này Hiền giả, đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thọ ấy được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thức ấy đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

6) Đối với sắc chưa sanh, này Hiền giả, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, sự sanh

khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

7) Đối với sắc đã sanh, này Hiền giả, đã hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ đã sanh, đã hiện hữu... Đối với tưởng đã sanh, đã hiện hữu... Đối với các hành đã sanh, đã hiện hữu... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ".

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

8) -- Lành thay, lành thay, này Ananda! Này Ananda, đối với sắc thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại; đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức, thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại, trong thức ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

9) Đối với sắc chưa sanh, này Ananda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh khởi, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh

khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với những pháp này, này Ananda, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

10) Đối với sắc đã sanh, này Ananda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông cần phải trả lời như vậy.

VII. Tỳ Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàavatthi...

3) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tỳ pháp, tỳ pháp này có mặt: Đối với sắc, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với thọ, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với tưởng, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với các hành, vị ấy sống nhiều yếm ly; đối với thức, vị ấy sống nhiều yếm ly.

4) Ai sống nhiều yếm ly đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... ai sống nhiều yếm ly đối với thức, vị ấy liễu tri sắc... liễu tri thọ... liễu tri tưởng... liễu tri các hành... liễu tri thức. Do liễu tri sắc... thọ... tưởng... các hành... do liễu tri thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

VIII. Tỳ Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-5) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô thường trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

IX. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-5) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán khổ trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

X. Tùy Pháp (S.iii,41)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong các hành. Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thức...

4) Ai sống tùy quán vô ngã trong sắc, trong thọ, trong tưởng, trong các hành, trong thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức. Do vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri các hành, liễu tri thức; vị ấy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi các hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

V. Phẩm Tự Minh Làm Hòn Đảo

I. Tự Minh Làm Hòn Đảo (Đại 2,8a) (S.iii,42)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác.

4) Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, hãy như lý quán sát: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"

5) Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samamupassati) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, nào sẽ khởi lên.

7) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ...

8) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

9) Vị ấy quán các hành như là tự ngã...

10) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi thức của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, nào sẽ khởi lên.

11) Nay các Tỷ-kheo, biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là (Tadanganibbuto) vị đã lắng dịu mọi tướng phân, nhứt hướng Niết-bàn.

12) Nay các Tỷ-kheo, biết thọ là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt, vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phân, nhứt hướng Niết-bàn..

13) Nay các Tỷ-kheo, biết tưởng là vô thường...

14) Nay các Tỷ-kheo, biết các hành là vô thường...

15) Nay các Tỷ-kheo, biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thức xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phân, nhứt hướng Niết-bàn..

II. Con Đường (Đại 2,8a) (S.iii,44)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường đưa đến thân kiến tập khởi và con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến tập khởi?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.

6-8) ... quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9) ... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

10) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến khổ tập khởi.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt?

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc.

13-15) ... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

16) ... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.

17) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến sự khổ đoạn diệt.

III. Vô Thường (Tập 3,35, Thanh Tịnh, Đại 2,21c) (S.iii,44)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

8) Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với sắc giới có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc, đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc. Do giải thoát, vị ấy an trú. Do an trú, vị ấy tri túc. Do tri túc, vị ấy không ưu não. Do không ưu não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Vô Thường (Tập 3,36, Chánh Quán Sát, Đại 2,21c) (S.iii,45)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ. Do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai. Do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có. Do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc. Do giải thoát, vị ấy an trú. Do an trú, vị ấy tri túc. Do tri túc, vị ấy không ưu não. Do không ưu não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Quán Kiến (Tập 2,13, Giác, Đại 2,11b) (S.iii,46)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tự ngã dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn.

4) Thế nào là năm? Nay các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phạm phu không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là".

5) Nay các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", thời năm căn nhập vào avakkanti (hiện hữu), tức là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

6) Nay các Tỷ-kheo, có ý, có các pháp, có vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ, cảm thọ này sanh do xúc chạm với vô minh; kẻ vô văn phạm phu đi đến chấp kiến: "Tôi là", đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng", đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

7) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị Đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và minh khởi lên. Do vô minh được viễn ly, do minh sanh khởi, không đi đến chấp kiến: "Tôi là", không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi", không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu"... "Tôi sẽ không hiện hữu"... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"...

"Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"...
 "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng", không đi đến chấp kiến: "Tôi
 sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng".

VI. Các Uẩn (Tập 2,23 Âm, Đại 2,13b) (S.iii,47)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng năm uẩn và năm thủ uẩn, hãy lắng nghe...

4) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là năm uẩn?

5) Nay các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

9) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là thức uẩn.

10) Những cái này, này các Tỷ-kheo, được gọi là năm uẩn.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?

12) Nay các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì quá khứ vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là sắc thủ uẩn.

13-15) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

16) Nay các Tỷ-kheo, phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là thức thủ uẩn.

17) Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

VII. Sona (Tập 1,20, Thu-lũ-na, Đại 2,6a) (S.iii,48)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con một gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Sona, con một gia chủ, đang ngồi một bên:

4) -- Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đều phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

5) ... quán thọ vô thường, khổ, biến hoại...

6) ... quán tưởng vô thường, khổ, biến hoại...

7) ... quán các hành vô thường, khổ, biến hoại...

8) ... quán thức vô thường, khổ, biến hoại là : "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đều phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

9) Nay Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đều phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

10-12) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

13) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thức vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

14) Ông nghĩ thế nào, này Sona, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Thọ là thường hay vô thường?...

16) Tưởng là thường hay vô thường?...

17) Các hành là thường hay vô thường?...

18) Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý hay chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19) -- Do vậy, này Sona, phạm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

20-22) Phạm thọ gì... phạm tướng gì... phạm các hành gì...

23) Phạm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

24) Nếu thấy vậy, này Sona, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tướng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên chánh trí: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

VIII. Sona (Tập 1,31, Thu-lữ-na, Đại 2,6c) (S.iii,50)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagala (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Sona, con vị gia chủ, đang ngồi một bên:

4) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, không biết rõ sắc, không biết rõ (nappajananti) sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

5) Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Sona, không những được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

IX. Hỷ Được Đoạn Tận (S.iii,51)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường; đây là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy

chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát.

4-6) Nay các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... các hành vô thường...

7) Nay các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường là vô thường; đây là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yếm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

X. Hỷ Được Đoạn Tận (S.iii,52)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Hãy như lý tác ý sắc, này các Tỷ-kheo, hãy như thật quán (samanupassati) sắc là vô thường. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yếm ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là vị đã được khéo giải thoát.

4) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý các hành...

5) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yếm ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát, vị ấy được gọi là đã được khéo giải thoát.

B. Năm Mười Kinh Ở Giữa

I. Phẩm Tham Luyện

I. Tham Luyện (Tập 2, Đại 2,9a) (S.iii,53)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, tham luyện là không giải thoát. Do tham luyện sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

4) Hay do tham luyện thọ ... tham luyện tưởng ... tham luyện hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

5) Nay các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, sự tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

6-10) Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

11) Không có chỗ y chỉ ấy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát. Do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có

ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Chủng Tử (Tập 2, Đại 2,8c) (S.iii,54)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm loại chủng tử. Thế nào là năm? Chủng tử từ rễ, chủng tử từ thân, chủng tử từ đọt, chủng tử từ quả, và chủng tử từ chủng tử là thứ năm.

4) Và nay các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, nhưng không có đất, và không có nước, thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5) -- Và nay các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, có đất và có nước, thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

-- Thưa được, bạch Thế Tôn.

6) -- Nay các Tỷ-kheo, ví như đất, bốn thức trú cần phải được xem như vậy. Ví như nước, này các Tỷ-kheo, hỷ tham cần phải được xem như vậy. Ví như năm loại chủng tử, này các Tỷ-kheo, thức cùng các món ăn cần phải được xem như vậy.

7) Do tham luyến sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

8-10) Do tham luyện thọ... Do tham luyện tướng... Do tham luyện các hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được tồn tại. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

11) Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tướng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

12) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

13-16) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tướng giới... đối với hành giới... đối với thức giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

17) Không có chỗ y chỉ như vậy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Lời Cảm Hứng (Tập 2, Đại 2, 16c) (S.iii,55)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Ở đây, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng như sau:

*Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không Ta.*

*Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.*

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Như thế nào bạch Thế Tôn:

*Nếu trước, Ta không có,
Thời nay không có Ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không Ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn?*

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

5) Vị ấy không như thật biết rõ (pajànàti) sắc vô thường là sắc vô thường, không như thật biết rõ thọ vô thường là thọ vô thường, không như thật biết rõ tưởng vô thường là tưởng vô thường, không như thật biết rõ hành vô thường là hành vô thường, không như thật biết rõ thức vô thường là thức vô thường.

6) Không như thật biết rõ sắc khổ là sắc khổ, không như thật biết rõ thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... không như thật biết rõ thức khổ là thức khổ.

7) Không như thật biết rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, không như thật biết rõ thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... không như thật biết rõ thức vô ngã là thức vô ngã.

8) Không như thật biết rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, không như thật biết rõ thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... không như thật biết rõ thức hữu vi là thức hữu vi.

9) Không như thật biết rõ sắc sẽ biến diệt... thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biết diệt... các hành sẽ biến diệt... không như thật biết rõ thức sẽ biến diệt.

10) Còn bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo thấy rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

11) Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô thường là vô thường, thọ vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... thức vô thường là thức vô thường.

12) Vị ấy như thật thấy rõ sắc khổ là sắc khổ, thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... như thật thấy rõ thức khổ là thức khổ.

13) Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, thọ vô ngã... tưởng vô ngã... các hành vô ngã... thức vô ngã là thức vô ngã.

14) Vị ấy như thật thấy rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, thọ hữu vi... tưởng hữu vi... các hành hữu vi... thức hữu vi là thức hữu vi.

15) Vị ấy như thật thấy rõ sắc sẽ biến diệt là sắc sẽ biến diệt, thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biến diệt... các hành sẽ biến diệt... thức sẽ biến diệt là thức sẽ biến diệt.

16) Do sắc biến diệt, thọ biến diệt, tưởng biến diệt, hành biến diệt, thức biến diệt, vị Tỷ-kheo nói lên lời cảm hứng:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.*

17) -- Dầu cho quyết tâm như vậy, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo có thể cắt đứt hạ phần kiết sử. Nhưng bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?

18) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; kẻ vô văn phạm phu hoảng sợ như sau:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có.
Tương lai sẽ không ta.*

19) Và vị Đa văn Thánh đệ tử, này Tỷ-kheo, không hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; vị Đa văn Thánh đệ tử không có hoảng sợ như sau:

*Nếu trước, ta không có,
Thời nay không có ta,
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.*

20) Nay Tỷ-kheo, do tham luyện sắc, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

21-33) Do tham luyện thọ... do tham luyện tướng... do tham luyện hành... do tham luyện thức, nay Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, (thức) hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

24) Nay Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tướng, ngoài các hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

25) Nay Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới; do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

26) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới...

27) Nay Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với tướng giới...

28) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với hành giới...

29) Nay Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

30) Không có chỗ y chỉ như vậy thức không tăng trưởng, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy

tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng nay các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do

các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

9) Và nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

10) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực

hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!

13-15) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tướng? Này các Tỷ-kheo, có sáu tướng thân này: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tướng. Do xúc tập khởi nên tướng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tướng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tướng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy,

thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỷ-kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

V. Bấy Xứ (Sattatthàna) (Tập 2, Đại 2,10a; 498c; 875b)
(Tăng 35, Đại 2,754b) (S.iii,61)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, này các Tỷ-kheo, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một bậc tối thượng nhân.

4) Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo biết rõ (pajànati) sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của sắc, biết rõ sự nguy hiểm của sắc, biết rõ sự xuất ly của sắc.

6-8) ... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành...

9) ... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt, biết rõ vị ngọt của thức, biết rõ sự nguy hiểm của thức, biết rõ sự xuất ly của thức.

10) Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sắc. Do các món ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các món ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến sắc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

11) Duyên sắc khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đây là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn tận dục tham đối với sắc, đây là sự xuất ly của sắc.

12) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là

như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

13) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Nay các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do ý xúc sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

15) Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đây gọi là vị ngọt của thọ. Cảm thọ vô thường, khổ, vô ngã, đây gọi là nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ, đây gọi là sự xuất ly của thọ.

16) Nay các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thọ là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thọ là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thọ là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo

thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

17) Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

18-20) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tướng? Nay các Tỷ-kheo, có sáu tướng thân này: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tướng. Do xúc tập khởi nên tướng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tướng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tướng đoạn diệt... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

21) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các hành? Nay các Tỷ-kheo, có sáu tư thân: Sắc tư... pháp tư. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là các hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

22) Do duyên hành khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của hành. Các hành vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với các hành, đây là sự xuất ly của các hành.

23-24) Nay các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật

này... Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

25) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt đối với thức, tức là chánh tri kiến... chánh định.

26) Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của thức. Thức vô thường, khổ, vô ngã, đây là nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thức, đây là sự xuất ly của thức.

27) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

28) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ giải thoát, không chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn.

Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

29) Nay các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ.

30) Và nay các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo giới, quán sát theo xứ, quán sát theo duyên khởi. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách.

31) Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một vị tối thượng nhân.

VI. Chánh Đăng Giác. (S.iii,54)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Như Lai, nay các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đăng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, nay các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

4) Như Lai, nay các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đăng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, nay các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

5-7) Như Lai, nay các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt tưởng... đoạn diệt các

hành... đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, được gọi là bậc Giải Thoát, không có chấp thủ, giải thoát nhờ trí tuệ.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sai biệt, thế nào là sự đặc thù, thế nào là sự sai khác giữa bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ?

9) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu được Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói:

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

10) Thế Tôn nói như sau:

-- Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường (trước kia) chưa khởi, là bậc đem lại con đường (trước kia) chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường (trước kia) chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thực về đạo. Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu (đạo).

11) Này các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

VII. Năm Vị (Vô ngã tướng) (Đại 2,7c) (Luật tạng, Đại phẩm q.1, từ trang 3) (S.iii,66)

1) Một thời Thế Tôn ở Bārānasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

5) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các thọ như sau: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

6) Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã. Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

7) Tướng là vô ngã...

8) Các hành là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) Thức là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thì thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được các thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

13-15) -- Thọ... Tưởng... Các hành...

16) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

17) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

18) Phàm thọ gì...

19) Phàm tưởng gì...

20) Phàm các hành gì...

21) Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

22) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

23) Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. Mahàli (Tập 3,32, Phú-Lâu-Na, Đại 2,20b)(Siii,68)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, trong rừng Đại Lâm, tại Trùng Các đại giảng đường.

2) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

3) -- Puràna Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh". Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào?

4) -- Này Mahàli, có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Này Mahàli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahàli, có nhân có duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.

5) -- Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh? Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô?

6) -- Này Mahàli, nếu sắc nhưt hương khô, rơi trên đầu khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, sắc là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, cho nên chúng sanh tham đắm đối với sắc. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

7) Và này Mahàli, nếu thọ nhứt hương khô, rơi trên khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, thì các chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, này Mahàli, thọ là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

8-9) Và này Mahàli, nếu tướng nhứt hương khô... nếu các hành nhứt hương khô...

10) Và này Mahàli, nếu thức nhứt hương khô, rơi trên khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, thì chúng sanh không tham đắm đối với thức. Vì rằng, này Mahàli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, do vậy chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

11) -- Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh?

12) -- Này Mahàli, nếu sắc là nhứt hương lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, thì chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, sắc là khô, rơi trên khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với sắc. Do yếm ly nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có

nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

13) Nay Mahàli, nếu thọ là nhứt hướng lạc...

14) Nay Mahàli, nếu tưởng là nhứt hướng lạc...

15) Nay Mahàli, nếu các hành là nhứt hướng lạc...

16) Nay Mahàli, nếu thức là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhầm chán đối với thức. Và vì rằng, nay Mahàli, thức là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Nay Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

IX. Lửa Cháy (S.iii,58)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, đang bốc cháy; thọ đang bốc cháy; tưởng đang bốc cháy; hành đang bốc cháy; thức đang bốc cháy!

4) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhầm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhầm chán đối với thức. Do nhầm chán nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát".

5) Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

X. Ngôn Lộ (S.iii,59)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba loại này, ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ, không có lẫn lộn, trước không lẫn lộn, nay không lẫn lộn, tương lai không lẫn lộn, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là ba?

4) Nay các Tỷ-kheo, phạm sắc gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; sắc ấy được xác nhận là "đã có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

5) Phạm thọ gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thọ ấy được xác nhận là "đã có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

6) Phạm tướng gì đã qua...

7) Phạm các hành gì đã qua...

8) Phạm thức gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thức ấy được xác nhận là "đã có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

9) Phạm sắc gì chưa sanh, chưa hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "đã có".

10) Phạm thọ gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", thọ ấy không được xác nhận là "đã có".

11) Phạm tướng gì...

12) Phạm các hành gì...

13) Phàm thức gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thức ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", thức ấy không được xác nhận là "đã có".

14) Nay các Tỷ-kheo, phàm sắc gì đã sanh, đã hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Sắc ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

15) Phàm thọ gì đã sanh, đã hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thọ ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

16) Phàm tưởng gì...

17) Phàm các hành gì...

18) Phàm thức gì đã sanh, đã hiện hữu ; thức ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thức ấy không được xác nhận là "đã có", thức ấy không được xác nhận là "sẽ có".

19) Nay các Tỷ-kheo, có ba loại này, ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ, không có lẫn lộn, trước không lẫn lộn, nay không lẫn lộn, tương lai không lẫn lộn, không bị các Samôn, Bà-la-môn có trí quả trách.

20) Tuy vậy, dân chúng ở Ukkali, những vị thuyết pháp trong thời an cư mùa mưa, các vị vô nhân luận giả, các vị vô tác luận giả, các vị vô hữu luận giả, những vị ấy cũng không có nghĩ rằng ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ này không đáng quả trách, không đáng khinh miệt. Vì sao? Vì rằng, họ sợ quả trách, công kích, phẫn nộ, chỉ trích.

II. Phẩm A-La-Hán

I. Cháp Trước (Tập 1. Đại 2,4b) (S.iii,73)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu, bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

-- Ai chấp trước sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

6) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Ai chấp trước sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ... Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước các hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

8) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, vì mục đích gì mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, mong cầu chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh; vị ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. Suy Tưởng (S.iii,74)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, lành thay, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai suy tưởng, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt:

6) -- Ai suy tưởng sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Này Tỷ-kheo, ai suy tưởng sắc, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... các hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Hoan Hỷ (S.iii,75)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3). .. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ai hoan hỷ, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Như thế nào, này Tỷ-kheo, Ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

6) -- Ai hoan hỷ sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy Ông đã hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt. Ai hoan hỷ sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... các hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. Vô Thường (Tập 1, Đại 2,3b) (S.iii,76)

1-3) Nhân duyên ở Sávatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần...

4) -- Cái gì vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. Khổ (S.iii,77)

1-3) Nhân duyên ở Sávatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là khổ, bạch Thế Tôn. Ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khổ, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là khổ, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là khổ, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. Vô Ngã (Tập 1, Đại 2,3b) (S.iii,77)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc là vô ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. Không Đáng Thuộc Tự Ngã (Tập 1, Đại 2,3c) (S.iii,79)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con....

4) -- Cái gì không đáng thuộc tự ngã, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc không đáng thuộc tự ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời dạy vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi. Sắc không đáng thuộc tự ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ.. Tưởng... Các hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. Chỉ Trú Cho Ô Nhiễm (Tập 1, Đại 2,4a) (S.iii,79)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con....

4) -- Cái gì làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

-- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu bạch Thiện Thệ.

5) -- Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

6) -- Sắc làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, bạch Thế Tôn, ở đây con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo. Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa!

IX. Ràdha (Tập 6, Đại 2,37c) (S.iii,79)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn sau khi đến... bạch Thế Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tướng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên"?

4) -- Này Ràdha, phạm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là:

"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

- 5) Phàm có thọ...
- 6) Phàm có tưởng...
- 7) Phàm có các hành...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Nay Ràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên".

10). .. Tôn giả Ràdha trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. Suràdha (S.iii,80)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3). .. Rồi Tôn giả Suràdha bạch Thế Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát?

4) -- Nay Suràdha, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại... xa hay gần; sau khi thấy với chánh trí tuệ như thật tất cả các sắc là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm có thọ gì... có tưởng gì... có hành gì...

8) Phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Nay Surādha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát.

10) Rồi Tôn giả Surādha... trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. Phẩm Những Gì Được Ăn

I. Vị Ngọt (S.iii,81)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tướng... của các hành.

7) Không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

8-12) Và nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tướng... của các hành... của thức.

II. Tập Khởi (S.iii,82)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tưởng... của các hành...

7) Không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

8) Này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

9-11) ... của thọ... của tưởng... của các hành...

12) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

III. Tập Khởi (S.iii,82)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6) ... của thọ... của tưởng... của các hành...

7) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

IV. Các Vị A-La-Hán (S.iii,83)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) ... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Nay các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Nay các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành. .. đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến tội đánh của hữu (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

11) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*1) An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt;
Lưới si bị phá rách.*

*2) Họ đạt được bất động,
Tâm viễn ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.*

- 3) *Họ biến tri năm uẩn.
Do hành bảy Chánh pháp.
Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.*
- 4) *Đây đủ bảy món báu,
Ba học đều thành tựu,
Bậc đại hùng du hành,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*
- 5) *Đây đủ mười uy lực,
Bậc Long tượng Thiên định.
Họ tới thắng ở đời,
Khát ái được đoạn tận.*
- 6) *Thành tựu vô học trí,
Thân này thân tối hậu,
Cứu cánh của Phạm hạnh,
Đạt được không nhờ ai.*
- 7) *Đối các tướng, không động,
Giải thoát khỏi tái sanh,
Đạt được điều phục địa,
Họ chiến thắng ở đời.*
- 8) *Thượng, hạ cùng tả, hữu.
Họ không có hỷ lạc,
Họ rỗng sự tử rỗng,
Phật vô thượng ở đời!*

V. Các Vị A-La-Hán (S.iii,84)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của

tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường...

8) Nay các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư, cho đến tột đỉnh của hữu, những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

VI. Sư Tử (S.iii,85)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó đuổi thân mình và chân. Sau khi đuổi thân mình và chân, nó nhìn xung quanh bốn phương. Sau khi nhìn xung quanh bốn phương, nó rống lên tiếng rống sư tử ba lần. Sau khi rống tiếng rống sư tử ba lần, nó đi tìm mồi. Nay các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh, nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không.

5) Nay các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các cây đa cứng chắc, bứt đứt,

giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy, tung cả phân và nước tiểu.

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú; đối với loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy thuyết pháp: Đây là sắc. Đây là sắc tập khởi. Đây là sắc đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức. Đây là thức tập khởi. Đây là thức đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt.

8) Này các Tỷ-kheo, có những chư Thiên nào, tuổi thọ dài, có mỹ sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. Các chư Thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Họ nghĩ: "Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâm nhiếp trong một thân này".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư Thiên và thế giới chư Thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

10) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- 1) *Khi Phật với thượng trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho Thiên giới, Nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tỷ.*
- 2) *Sự đoạn diệt tự thân,
Sự hiện hữu tự thân,
Và đường Thánh Tám ngành
Đưa đến khổ diệt tận,*
- 3) *Chư Thiên được trường thọ,
Có mỹ sắc danh xưng,
Sanh khiếp đảm, sợ hãi,
Như thú thấy sư tử.*
- 4) *Vì chưa thoát tự thân,
"Chúng ta là vô thường",
Nghe lời bậc Ứng Cúng,
Đã giải thoát như vậy.*

VII. Đáng Được Ăn (Tập 2, Đại 2,11) (S.iii,86)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có nhớ đến các đời sống ở các kiếp trước, tất cả họ đều nhớ đến năm thủ uẩn hay nhớ đến một trong những uẩn này.

4) Thế nào là năm? Nay các Tỷ-kheo, có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, thân ta như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến sắc. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, ta có cảm thọ như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thọ. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ ta có tưởng... có các hành... có thức như thế này". Nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thức.

5) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh, bị thay đổi bởi nóng, bị thay đổi bởi đói, bị thay đổi bởi khát, bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thọ? Được cảm thọ, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ. Cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ phi khổ phi lạc. Được cảm thọ, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ.

7) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là tướng? Nhận rõ, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là tướng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trắng. Nhận rõ, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là tướng.

8) Nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành? Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi nên gọi là hành. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi gì? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hành thọ với thọ tánh, làm cho hiện hành tưởng với tưởng tánh, làm cho hiện hành các hành với hành tánh, làm cho hiện hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành (pháp) hữu vi, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là các hành.

9) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thức? Rõ biết, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là thức. Rõ biết gì? Rõ biết chua, rõ biết đắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm... rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn, rõ biết không mặn. Rõ biết, nay các Tỷ-kheo, nên gọi là thức.

10) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nay ta bị sắc chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị sắc chinh phục, như ta bị sắc hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với sắc vị lai, thời trong vị lai, ta sẽ bị sắc

chinh phục, như nay ta bị sắc hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyện tiếc đối với sắc quá khứ, không có hoan hỷ đối với sắc vị lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc hiện tại.

12) "Ta nay bị thọ chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thọ chinh phục như vậy, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thọ vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thọ chinh phục, như nay ta bị thọ hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không luyện tiếc đối với thọ quá khứ, không có hoan hỷ đối với thọ vị lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ hiện tại.

13) "Ta nay bị tướng chinh phục...".

14) "Ta nay bị các hành chinh phục...".

15) "Ta nay bị thức chinh phục. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thức chinh phục như vậy, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục. Nếu ta hoan hỷ đối với thức vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thức chinh phục, như nay ta bị thức hiện tại chinh phục". Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyện tiếc đối với thức quá khứ, không có hoan hỷ đối với thức tương lai, và thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức hiện tại.

16) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

17-19) -- Thọ... Tưởng... Các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng... xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

22) Đối với thọ...

23) Đối với tưởng...

24) Đối với các hành..

25) Đối với thức quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức đều phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

26) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử giảm thiểu, không tăng trưởng, từ bỏ, không chấp thủ, xa lánh, không thân cận, phân tán, không huân tập.

27) Giảm thiểu, không tăng trưởng cái gì? Giảm thiểu, không tăng trưởng sắc..., giảm thiểu, không tăng trưởng thọ...tưởng...các hành...giảm thiểu, không tăng trưởng thức.

28) Từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Từ bỏ, không chấp thủ sắc...thọ... tưởng... các hành... từ bỏ, không chấp thủ thức.

29) Xa lánh, không thân cận cái gì? Xa lánh, không thân cận sắc... thọ... tưởng... các hành... xa lánh, không thân cận thức.

30) Phân tán, không huân tập cái gì? Phân tán, không huân tập sắc... thọ... tưởng... các hành... phân tán, không huân tập thức.

31) Thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

32) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo không tăng trưởng, không giảm thiểu. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ; sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận; sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập.

33) Sau khi phân tán, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu cái gì? Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu sắc. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu thọ... tưởng... các hành... không tăng trưởng, không giảm thiểu thức.

34) Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ sắc; sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ thọ... tướng... các hành... không từ bỏ, không chấp thủ thức.

35) Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận cái gì? Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận sắc; sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận thọ... tướng... các hành... không phân tán, không huân tập thức.

36) Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập cái gì? Sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập sắc; sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập thọ...tướng...các hành...không phân tán, không huân tập thức.

37) Sau khi phân tán, vị ấy trú, với tâm giải thoát như vậy. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy được chư Thiên với Thiên chủ, Phạm thiên cùng với Phạm thiên đánh lễ, dầu cho ở xa:

38) *Ôi, ta đánh lễ Ông,
Bậc người như lương mã!
Ôi, ta đánh lễ Ông,
Là bậc tối thắng nhân!
Ta không có chấp trước,
Đối tượng Ông Thiên tư!*

VIII. Người Khất Thực (Tập 10, Đại 2,71c) (Trung 34, Đại 1,647a) (S.iii,91)

1) Một thời Thê Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Cây Bàn (Nigrodhàrama)

2) Rồi Thế Tôn nhân một lỗi lầm, sau khi quở trách chúng Tỷ-kheo Tăng, đắp y vào buổi sáng, cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu để khát thực.

3) Đi khát thực ở Kapilavatthu xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến Mahavana (Đại Lâm) để nghỉ buổi trưa. Sau khi đi sâu vào rừng Mahavana, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây veluvalatthikà.

4) Trong khi Thế Tôn độc cư Thiên tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên:

5) "Chúng Tỷ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể thay đổi, đổi khác.

6) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi.

7) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không được bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Ta giúp đỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!"

8) Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm của mình biết được tư niệm của Thế Tôn, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay duỗi ra, cũng vậy, biến mất từ Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn.

9) Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

-- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn làm cho vững mạnh.

10) Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể đổi khác, biến đổi.

11) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi.

12) Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi.

13) Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm cho chúng Tỷ-kheo hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng cho chúng Tỷ-kheo như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ, cũng vậy, nay Thế Tôn hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!

14) Thế Tôn im lặng nhận lời.

15) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

16) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến vườn Cây Bàng, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nghĩ rằng: "Ta hãy

thị hiện thân thông một cách khiến cho các vị Tỷ-kheo ấy đến Ta từng nhóm một hay hai người, với tâm có tội lỗi".

17) Và các Tỷ-kheo ấy đến Thế Tôn, từng nhóm một hay hai người, với tâm có tội lỗi; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

18) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

-- Nay các Tỷ-kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khát thực. Đây là một lời nguyên rủa trong đời, này các Tỷ-kheo, khi nói: "Ông, kẻ khát thực với bát trên bàn tay, Ông đi chỗ này, chỗ kia và đây là nghề sinh sống". Nay các Tỷ-kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống, mà với ý nghĩ: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra".

19) Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là thiện gia nam tử xuất gia. Vị ấy có tham dục đối với các dục vọng, tham ái cuồng nhiệt, tâm tư sân hận, tư niệm ô nhiễm, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que củi từ chỗ hỏa táng, cả hai đầu đều cháy, ở giữa lại dính phân, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng. Dùng ví dụ ấy, Ta tả cho các Ông con người ấy, đã mất cả nhà và tài sản, lại không làm viên mãn mục đích của Sa-môn hạnh.

20) Nay các Tỷ-kheo, có ba bất thiện tâm này: dục tâm, sân tâm, hại tâm. Và này các Tỷ-kheo, ba bất thiện tâm này

được đoạn diệt không có dư tàn, đối với vị nào tâm đã khéo an trú vào bốn Niệm xứ hay tu tập vô tướng Thiền định.

21) Nay các Tỷ-kheo, hãy khéo tu tập vô tướng Thiền định. Nay các Tỷ-kheo, vô tướng Thiền định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

22) Nay các Tỷ-kheo, có hai kiến này: hữu kiến, phi hữu kiến. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Có cái gì ở trong đời, ta chấp trước mà không có phạm tội?"

23) Và vị ấy biết: "Không có cái gì ở trong đời ta chấp trước mà không có phạm tội". Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ sắc... thọ... tưởng... các hành... Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ thức, do duyên chấp thủ, hữu trở thành của ta. Do duyên hữu, có sanh. Do sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

24) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

25-28) -- Thọ... Tưởng... Hành... Thức.... Do vậy, nay các Tỷ-kheo, thấy vậy... Vị ấy biết: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IX. Pàrileyya (Tập 2, Đại 2,13c) (S.iii,94)

1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

-- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

4) -- Nay Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuân tự du hành, đi đến Pàrileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàrileyyaka, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

-- Đã lâu lắm, nay Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn,

này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pālileyyaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh căn đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo Tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

13-16) Nay các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần

thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết

vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23). .. có thể quán tưởng... có thể quán các hành...

24). .. có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thể giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng thường kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thể giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

27) Đoạn kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thể giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú,

không chịu sự biến hoại" ; có thể không có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta". Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

X. Trăng Rằm (Tập 2, Đại 2,14b) (S.iii,100) (Trung Bộ Kinh, trang 109, 110 Tham chiếu)

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường, cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ Bô-tát, ngày rằm, đêm trăng tròn, giữa trời, có chúng Tỷ-kheo doanh vầy.

3) Rồi có Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề, nếu Thế Tôn cho phép, và trả lời câu hỏi của con.

-- Này Tỷ-kheo, hãy ngồi tại chỗ và hỏi theo ý Ông muốn.

4) -- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, ngồi tại chỗ ngồi của mình và bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này: tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn?

-- Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác:

-- Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này lấy gì làm căn bản?

-- Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản.

6) -- Lành thay, bạch Thế Tôn...

-- Bạch Thế Tôn, chấp thủ ấy là năm thủ uẩn ấy hay chấp thủ ngoài năm thủ uẩn?

-- Này Tỷ-kheo, chấp thủ ấy không tức là năm thủ uẩn ấy và chấp thủ cũng không phải ngoài năm thủ uẩn. Nhưng chỗ nào có tham và dục, chỗ ấy có chấp thủ.

7) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

-- Có thể chăng, bạch Thế Tôn, trong năm thủ uẩn, có sự sai khác về dục và tham?

Thế Tôn đáp :

-- Có thể có, này Tỷ-kheo.

Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: "Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có sắc như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thọ như vậy! Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có tưởng như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có các hành như vậy! Mong rằng trong tương lai ta sẽ có thức như vậy!" Như vậy, này Tỷ-kheo, có thể có sự sai khác về dục và tham trong năm thủ uẩn.

8) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

-- Dưới hình thức nào, bạch Thế Tôn, có định nghĩa về uẩn của các uẩn?

-- Phàm sắc gì, này Tỷ-kheo, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn. Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm các hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; đây gọi là thức uẩn. Dưới hình thức như vậy, này Tỷ-kheo, có định nghĩa về uẩn của các uẩn.

9) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

-- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, được gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là hành uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thức uẩn?

-- Do nhân bốn đại, này Tỷ-kheo, do duyên bốn đại, được gọi là sắc uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là

thọ uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là tướng uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là hành uẩn. Do nhân danh sắc, do duyên danh sắc, được gọi là thức uẩn.

10) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu khác:

-- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là có thân kiến?

-- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc... thọ... tướng.. hành... quán thức như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là có thân kiến.

11) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa:

-- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là không có thân kiến?

-- Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, khéo thuần thực pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, khéo thuần thực pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc, không quán thọ... không quán tướng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán

thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không có thân kiến.

12) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm một câu nữa:

-- Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của sắc?... của thọ... của tưởng... của các hành? Cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của thức?

-- Này Tỷ-kheo, do duyên sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đó là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với sắc, đó là sự xuất ly của sắc. Do duyên thọ... Do duyên tưởng... Do duyên các hành... Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của thức. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thức, đó là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với thức, đó là sự xuất ly của thức.

13) -- Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn thêm câu nữa:

-- Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, do thấy như thế nào, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên?

-- Này Tỷ-kheo, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả sắc, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi". Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm các hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt

hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi!" Nay Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (quan điểm): ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên.

14) Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khác khởi lên suy nghĩ sau đây: "Nếu Ngài nói sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã, thì các nghiệp do vô ngã tạo ra, thì ngã nào lãnh thọ?"

15) Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết rõ suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

-- Sự kiện này xảy ra, này các Tỷ-kheo, là có kẻ ngu si, vô trí, chìm đắm trong vô minh, tâm bị khát ái chi phối, nghĩ rằng có thể vượt qua lời dạy bậc Đạo Sư, nghĩ rằng: "Nếu Ngài dạy rằng sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã, thì các nghiệp do vô ngã làm, các nghiệp ấy do ngã nào lãnh thọ?" Nay các Tỷ-kheo, các câu vấn nạn đã được Ta khéo dạy cho các Ông, chỗ này, chỗ kia trong các pháp ấy.

16) Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

17-19) -- Thọ... tưởng... các hành...

20) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Phẩm Trưởng Lão

I. Ananda (Tập 10, Đại 2,66a) (S.iii,105)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Ananda gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

3) -- Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantaniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vị ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: Này Hiền giả Ananda, do chấp thủ, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

4) Do chấp thủ gì, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ sắc, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... Do chấp thủ thức, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

5) Nay Hiền giả Ananda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, hay người trẻ tuổi, ưa thích trang điểm, ngắm bóng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng, hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ. Cũng vậy, nay Hiền giả Ananda, do chấp thủ sắc, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... do chấp thủ thức, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

6) Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, Hiền giả.

7-10) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, Hiền giả.

11-12) -- Do thấy vậy... vị ấy biết "...không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantàniputta, khi chúng tôi mới tu học, đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng tôi lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantàniputta thuyết pháp, chúng tôi hoàn toàn chứng tri (Chánh) pháp.

II. Tissa (Tập 10, Đại 2,71a) (S.iii,106)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, nói với một số đồng Tỷ-kheo:

-- Nay chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nề và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không

phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp.

3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, có nói với một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt (nặng nề và bại hoại). Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên, hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp".

5) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

-- Đến đây, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Tissa: "Hiền giả Tissa, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

6) -- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Tissa; sau khi đến, nói với Tôn giả Tissa:

-- Hiền giả Tissa! Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

7) -- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Tissa vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa đang ngồi một bên:

-- Có thật chăng, này Tissa, Ông đã nói như sau cho một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt... và ta nghi ngờ đối với các pháp"?

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

9) -- Ông nghĩ thế nào, này Tissa? Đối với người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đối với sắc, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

10-13) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... Như người chưa ly tham đối với các hành, thời khi các hành ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

14) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với thức, người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt tình, chưa ly khát ái đối với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

15) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người chưa ly tham đối với thức.

16) Này Tissa, Ông nghĩ thế nào, đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với sắc, thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

17)-- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với sắc. Đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái, đã ly nhiệt tình, đã ly khát ái đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... Như người đã ly tham đối với các hành,

người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly khát ái đối với thức, thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sàu, bi, khô, ưu, não có khởi lên không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

18) -- Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với thức.

19) Này Tissa, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

20-23) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

24-25) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

26) Ví như, này Tissa, có hai người. Một người không giỏi về đường sá, một người giỏi về đường sá. Trong hai người ấy, người không giỏi về đường sá này hỏi người giỏi về đường sá kia về con đường. Người ấy trả lời: "Hãy đi, này Bạn, đây là con đường. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy một thời gian, Bạn sẽ thấy con đường ấy chia làm hai. Ở đây, hãy bỏ con đường phía trái, và lấy con đường phía mặt. Rồi đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khu rừng rậm. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một đầm nước lớn. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một vực nước sâu. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian.

Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một khoảnh đất bằng khá ái!"

27) Đây là ví dụ của Ta dùng, này Tissa, để nêu rõ ý nghĩa. Và ý nghĩa như sau:

28) Người không giỏi về đường xá, này Tissa, là ví cho kẻ phạm phu. Người giỏi về đường xá, này Tissa, là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

29) Con đường chia làm hai, này Tissa, là ví cho trạng thái nghi hoặc. Con đường tay trái, này Tissa, là ví cho con đường tà đạo tám ngành, tức là tà tri kiến... tà định. Con đường tay mặt, này Tissa, là ví cho con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

30) Khu rừng rậm, này Tissa, là ví cho vô minh. Các đầm nước thấp, này Tissa, là ví cho các dục. Vực nước sâu, này Tissa, là ví cho phần nộ, ưu não. Khoảnh đất bằng phẳng khá ái, này Tissa, là ví cho Niết-bàn.

31) Hãy hoan hỷ, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta giáo giới (cho Ông), Ta giúp đỡ (cho Ông), Ta giảng dạy (cho Ông).

32) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Tissa hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

III. Yamaka (Tạp 5, Đại 2,30c) (S.iii,109)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú tại Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

3) Nhiều Tỷ-kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka:

-- Có thật chăng, này Hiền giả Yamaka, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

6) -- Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp như vậy: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn... sau khi chết".

7) -- Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thế Tôn! Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt lành. Thế Tôn không có nói như sau: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

8) Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy, Tôn giả Yamaka vẫn kiên trì, kiên cố chấp nhận ác tà kiến ấy, nói rằng: "Nhu ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

9) Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka rời bỏ ác tà kiến ấy, các Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi

đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sàriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết". Lành thay, nếu Tôn giả Sàriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka.

10) Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

11) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

12) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Yamaka:

-- Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chết".

13) -- Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thế Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết".

14) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, này Hiền giả.

15-18) -- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, này Hiền giả.

19-20) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

21) Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

22-26) -- Hiền giả có quán Như Lai là thọ... tưởng... hành... thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

27) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai ở trong sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

-- Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

28) -- Hiền giả, có quán Như Lai ở trong thọ không?...

20) Hiền giả có quán Như Lai ở trong tưởng không?...

30) Hiền giả có quán Như Lai ở trong các hành không?...

31) Hiền giả có quán Như Lai ở trong thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

-- Hiền giả có quán Như Lai là ngoài thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

32) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

33) -- Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka? Hiền giả có quán cái không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không?

-- Thưa không, này Hiền giả.

34) -- Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú, thời hợp lý chẳng khi Hiền giả trả lời: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn tận, sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết".

35) -- Trước đây tôi vô trí nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ, và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri.

36) -- Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: "Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?"; được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào?

37) -- Thưa Hiền giả, nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?"; được hỏi như vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt". Được hỏi vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời như vậy.

38-39) Lành thay, lành thay, Hiền giả Yamaka! Hiền giả Yamaka, ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa. Ví như, này Hiền giả Yamaka, một

người gia chủ hay con của người gia chủ, là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người kia. Người ấy suy nghĩ: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Thật không dễ gì đoạt mạng sống nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng sống". Người ấy đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả". Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hầu hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái. Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem người ấy như thân hữu, tin tưởng người ấy, xem như tâm hữu, và đặt lòng tín cẩn vào người ấy. Này Hiền giả, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này đã tín cẩn ta", khi bắt gặp người con của gia chủ ở một chỗ thanh vắng, liền lấy con dao sắc bén, đoạt mạng sống người con của gia chủ.

40) Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thưa Tôn giả, tôi muốn hầu hạ Tôn giả"; khi ấy người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".

41) Khi người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người".

-- Thưa vâng, này Hiền giả.

42-43)-- Cũng vậy, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu, không được thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

44) "Sắc là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường"; tưởng là vô thường, người ấy không như thật biết rõ: "Tưởng là vô thường"; "Các hành là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Các hành là vô thường"; "Thức là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

45) "Sắc là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là khổ"; "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là khổ".

46) "Sắc là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"; "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

47) "Sắc là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"; "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"; "Thức là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

48) "Sắc là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"; "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng

là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người".

49) Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta". Người ấy đến với thọ... với tưởng... với các hành... người ấy đến với thức, chấp thủ và nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". Năm thủ uẩn này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy.

50) Nay Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

51) "Sắc là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô thường"; "Thọ là vô thường"... "Tưởng là vô thường"... "Các hành là vô thường"... "Thức là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô thường".

52) "Sắc là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là khổ"... "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Các hành là khổ"... "Thức là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khổ".

53) "Sắc là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"... "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Các hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô ngã".

54) "Sắc là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"... "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Các hành là hữu vi"... "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là hữu vi".

55) "Sắc là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"... "Thọ là kẻ giết người"... "Tuồng là kẻ giết người"... "Các hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người".

56) Vị ấy không đến với sắc, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta". Không đến với thọ... với tuồng... với các hành... Không đến với thức, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta". Đối với năm thủ uẩn này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài.

57) -- Như vậy, này Hiền giả Sàriputta, các Tôn giả ấy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh, có lòng lân mẫn như vậy, muốn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy, bậc giảng dạy như vậy.

58) Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

IV. Anuràdha (Tập 5, Đại 2,32c) (S.iii,116)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

-- Nay Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ ấy:

-- Nay Chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

-- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau: "Nếu ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn, ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: 'Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'".

11) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền. .. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn. Ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

15) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

16-17) -- Do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

18) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc là Như Lai không?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là Như Lai không?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Nhu Lai ở trong sắc không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán: "Nhu Lai ở ngoài sắc không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán: "Nhu lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong thức không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán: "Nhu Lai ở ngoài thức không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nhu Lai không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

20) -- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Nhu Lai không?"

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Và ở đây, này Anuràdha, ngay trong hiện tại không tìm được một Nhu Lai thường còn, thường trú, thời có hợp lý chẳng khi Ông trả lời: "Này chư Hiền, vị Nhu Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Nhu Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: 'Nhu Lai tồn tại sau khi chết; Nhu Lai không tồn tại sau khi chết; Nhu Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết' "?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -- Lành thay, lành thay, này Anuràdha! Trước kia và nay, này Anuràdha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.

V. Vakkàli (Tập 47, Đại 2,346b) (Tăng 19, Đại 2,642b) (S.iii,119)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

-- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali.'"

4) -- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Thôi Vakkali, Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tổn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tổn giảm.

10) -- Này Vakkali, Ông có gì phân vân, hỏi hận không?

-- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hỏi hận!

11) -- Này Vakkali, Ông có gì tự trách mình về giới luật không?

-- Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) -- Này Vakkali, nếu Ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy Ông có gì phân vân, có gì hỏi hận?

-- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

13) -- Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp.

14) -- Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15-16) -- Do vậy, ở đây... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

17) Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến núi Gijjhakuuta (Linh Thứu).

18) Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

-- Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhắc cái giường ta và đi đến tảng đá đen (kàlasilā), tại sườn núi Isigili (hang của Tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

19) -- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili.

20) Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại núi Gijjhakuuta.

21) Rồi hai vị Thiên, trong khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Gijjakuuta, đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên.

22) Đứng một bên, một vị Thiên bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

23) Vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

-- Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát.

24) Chư Thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

25) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

-- Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị Thiên nói với Thế Tôn. Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Gijjhakuuta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát'. Vị Thiên khác bạch Thế Tôn: 'Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát'. Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: "Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! Cái chết của Ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!"

26) -- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

-- Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị Thiên.

27) Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả:

-- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhắc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi, có thể ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy.

28) -- Thừa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

29) -- Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn,

đang nghĩ đến tự giải thoát". Vị Thiên kia bạch Thế Tôn: "Vị ấy, bạch Thế Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát". Và Thế Tôn, này Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ, này Vakkali! Cái chết của Ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

30) -- Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bệnh trầm trọng! Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: 'Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn. Con không có ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Thọ là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này.'"

31) -- Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

32) Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.

33) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vì ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này".

34) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đấy, Thiện gia nam tử đem lại con dao.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

35) Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

36) Và ở đàng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường, với vai co quắp lại.

37) Lúc bấy giờ, một đám khói đen, một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.

38) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

39) -- Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm thức của Thiện nam tử Vakkali và nói: "thức của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

40) Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn!

VI. Assaji (Tập 27, Đại 2,267b) (S.iii,124)

1) Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bảy giờ Tôn giả Assaji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Assaji gọi các người thị giả:

-- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ Thế Tôn: "Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và thưa như sau : 'Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji!'"

4) -- Thưa vâng, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Assaji, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh đau đớn, trầm trọng... Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji! Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Assaji.

7) Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

-- Thôi Assaji! Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy! Có chỗ ngồi đã soạn sẵn. Tại chỗ ấy, Ta sẽ ngồi.

9) Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

10) -- Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không?... Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm, không có tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm!

11) -- Này Assaji, Ông có phân vân gì, có hồi hận gì không?

-- Chắc chắn, bạch Thế Tôn, con có nhiều phân vân, có nhiều hồi hận!

12) -- Này Assaji, Ông có điều gì tự trách mình về giới luật hay không?

-- Bạch Thế Tôn, con không có điều gì tự trách mình về giới luật.

13) -- Này Assaji, nếu Ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, Ông có phân vân gì, có hồi hận gì không?

-- Trước đây, bạch Thế Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắng xuống con bệnh, con sống với thân hành, do vậy con không chứng được Thiền định. Dầu cho không chứng được Thiền định, con tự nghĩ: "Ta sẽ không thối thất".

14) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong Thiền định, tập trung trong Thiền định, nếu họ không chứng

đắc Thiên định, họ sẽ nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ không thối thất!"

15-21) -- Nay Assaji, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn!... Thức là thường hay vô thường?... do vậy... thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

22) Khi cảm giác lạc thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ". Khi cảm giác khổ thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ". Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".

23) Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.

24) Nếu vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân". Nếu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng". Vị ấy biết rõ rằng: "Khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!"

25) Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bắc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bắc của ngọn đèn ấy đoạn tận, không có mang lại nhiên liệu, ngọn

đèn ấy sẽ tắt. Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân". Khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng". Sau khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!

VII. Khemaka (Tập 5, Đại 2,29c) (S.iii,126)

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bảy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo Trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dàsaka:

-- Hãy đến đây, này Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tồn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tồn giảm, không phải tăng trưởng?'"

4) -- Thừa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

-- Các Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) -- Tôi không có thể kham nhẫn, thưa Hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!

6) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!"

7) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"

8) -- Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến...

-- Các bậc Trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) -- Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Tỷ-kheo Khemaka, thừa chú Hiền, đã nói như sau: "Thừa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: 'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn...thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận'."

12) -- Thừa vâng, chú Hiền giả.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

-- Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thừa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc".

13). .. -- Thừa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thừa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi có chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

14) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến Tỷ-kheo Trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

15) -- Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thưa Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", các Hiền giả nói "Tôi là, là cái gì?" Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc?". ..; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?". Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", các Hiền giả nói: "Tôi là, là cái gì?"

16) -- Thưa vâng.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

17) -- Thôi vừa rồi, Hiền giả Dàsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão!

18) Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo Trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

-- Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"...; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?"; Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) -- Thừa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Dầu rằng, này các Hiền giả, Tôi có chứng được (tu tưởng): "Tôi là", nhưng tôi không có quán : "Cái này là tôi".

21) Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?

-- Thừa không, này Hiền giả.

-- Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc"; tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi không nói : "Tôi là khác thức". Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn của tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi".

23) Dầu cho đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền, năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối

với năm thủ uẩn, vẫn còn dư tàn tế nhị". Dư tàn kiêu mạn "Tôi là", dư tàn dục "Tôi là", dư tàn tùy miên "Tôi là" chưa được vị ấy đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt".

24) Vì rằng vị ấy sống, quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này, các dư tàn ngã mạn "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy miên "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.

25) Nay chư Hiền, ví như một tấm vải nhóp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong. Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong một cái hòm có ướp hương thơm. Như vậy, cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã hay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.

26-27) Cũng vậy, nay chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên: "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục

"tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn tận nay đi đến đoạn trừ.

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

-- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn".

29) Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo Trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

VIII. Channa (Tập 10, Đại 2,66b) (S.iii,132)

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão trú ở Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Channa, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác và nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

-- Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy được pháp.

3) Được nói vậy, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Channa:

-- Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ là vô thường ; tưởng là vô thường; các hành là vô thường; thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã.

4) Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vậy: 'Sắc là vô thường; thọ... tưởng... các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả pháp là vô ngã.'

5) Nhưng tâm của ta không hướng tiến đến sự chỉ tịnh tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, không có thoải mái, không có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến (paritassanà), chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"

6) Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ: "Đây là Tôn giả Ananda, hiện trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ananda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ananda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ananda!"

7) Rồi Tôn giả Channa, sau khi dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát đi đến Kosambi, vườn Ghosita, chỗ Tôn giả Ananda ở, sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Channa nói với Tôn giả Ananda:

-- Một thời, này Hiền giả Ananda, tôi ở Bārāṇasī, Isipatana, vườn Lộc Uyển. Rồi vào buổi chiều, này Hiền giả, tôi từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chiếc chìa khóa, đi từ tịnh xá này đến tịnh xá khác, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão: "Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả Trưởng lão, hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp".

9) Được nghe nói vậy, này Hiền giả, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với tôi: "Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ... tưởng... các hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã".

10) Về vấn đề ấy, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vậy: 'Sắc là vô thường... thức là vô thường. Sắc là vô ngã, thọ... tưởng... các hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã'.

11) Nhưng tâm của ta không hướng tiến đến sự chỉ tịnh tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn, không có thoải mái, không có an trú, không có hướng về. Do sự tham luyến, chấp thủ khởi lên. Tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp?"

12) Rồi về vấn đề này, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Đây là Tôn giả Ananda, hiện trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo Sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ananda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp! Và cho đến như vậy, ta có lòng

tin tưởng đối với Tôn giả Ananda! Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ananda".

13) Tôn giả Ananda hãy giáo giới cho tôi! Tôn giả Ananda hãy giảng dạy cho tôi! Tôn giả Ananda hãy thuyết pháp cho tôi để tôi có thể thấy pháp.

14) -- Cho đến như vậy, thật sự tôi rất hoan hỷ đối với Tôn giả Channa. Tôn giả Channa đã làm cho sự việc rõ ràng. Tôn giả Channa đã phá vỡ chướng ngại. Hãy lóng tai, này Hiền giả Channa! Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp.

15) Ngay lúc ấy, Tôn giả Channa khởi lên hoan hỷ, hân hoan thù thắng khi nghe đến: "Ta có thể hiểu được pháp".

16) -- Này Hiền giả Channa, tôi tận mặt nghe Thế Tôn, tận mặt nhận lãnh từ Thế Tôn lời giáo giới này cho Kaccànachotta: "Thế giới này dựa trên hai (quan điểm), này Kaccàna, hiện hữu và không hiện hữu. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận là thế giới không hiện hữu! Nhưng này Kaccàna, ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế giới, thì cũng không chấp nhận là thế giới có hiện hữu. Thế giới này phần lớn, này Kaccàna, là chấp thủ các phương tiện và bị trôi buộc bởi thành kiến. Với ai không đi đến, không chấp thủ, không an trú vào chấp thủ các phương tiện, tâm không an trú vào thiên kiến tùy miên, vị ấy không nói: 'Đây là tự ngã của tôi'. Với ai nghĩ rằng: 'Cái gì khởi lên là đau khổ, cái gì diệt là đau khổ', vị ấy không có phân vân, nghi hoặc. Trí ở đây không mượn nhờ người khác. Cho đến như vậy, này Kaccàna, là chánh trí".

17) "'Tất cả đều có', này Kaccàna, là một cực đoan. 'Tất cả đều không có' là một cực đoan. Không chấp nhận hai cực đoan ấy, này Kaccàna, Như Lai thuyết pháp một cách trung

đạo. Do duyên vô minh, nên hành khởi. Do duyên hành, nên thức khởi... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn nên các hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

18) -- Như vậy, này Hiền giả Ananda, là điều sẽ đến với các bậc Tôn giả nào có được những đồng Phạm hạnh như vậy, những vị có lòng từ mẫn, những vị muốn sự lợi ích, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, nghe được lời thuyết pháp này từ Tôn giả Ananda, tôi được an trú vững chắc trong Chánh pháp.

IX. Ràhula (Tập 1, Đại 2,5a) (S.iii, 136)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tu tướng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) -- Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-8) Phàm thọ gì... tưởng gì... các hành gì... Phàm thức gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Biết như vậy, này Ràhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có (tư tướng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên.

X. Ràhula

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

-- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

4) -- Phàm sắc gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm các hành gì...

8) Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả pháp, sau khi thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát, không có chấp thủ.

10) Do biết như vậy, này Ràhula, do thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không

có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

V. Phẩm Hoa

I. Dòng Sông (Tập 10, Đại 2,70a) (S.iii,137)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông từ núi cao chảy xuống, từ xa chảy đến, dòng nước chảy xiết. Trên hai bờ con sông ấy, nếu cỏ lau kàsà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cỏ kàsà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại lau babbakjà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cỏ biranà mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống; nếu các loại cây mọc lên, chúng từ bờ rũ xuống.

4) Và một người bị dòng nước của con sông ấy cuốn trôi, nếu người ấy nắm lấy cỏ lau kàsà, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ kàsà, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại lau babbakjà, cỏ này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy các loại cây, loại cây này có thể bứt đứt. Do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự

ngã ở trong sắc. Khi sắc ấy của người ấy bị bứt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

6-8) ... quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9) ...quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức ấy của người ấy bị bứt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy rơi vào tai ách khổ nạn.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

11-14) -- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

15-16) Do vậy... Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

II. Bông Hoa (hay Tăng trưởng) (Tập 2, Đại 2,8b) (Siii,113)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ-kheo, người nói Pháp không tranh luận bất cứ với một ai ở đời.

4) Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".

5) Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"?

6) Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thì Ta cũng nói là "không".

7-9) Thọ... tướng... các hành...

10) Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là cái gì ở đời người có trí chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không".

12) Và nay các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có"?

13) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

14-16) ... thọ... tướng... các hành...

17) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

18) Nay các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

19) Ở trong đời, nay các Tỷ-kheo, có thể pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

20) Nay các Tỷ-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?

21) Sắc, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri, sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

22-24) Thọ... Tưởng... Các hành...

25) Thức, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri. Sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ. Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

26) Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.

27) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.

III. Bọt Nước (Tập 10, Đại 2,86b) (S.iii,114)

1) Một thời Thế Tôn ở Ayujjaya, trên bờ sông Hằng.

2) Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đồng bọt nước được?

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước, các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ được?

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát

nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên rắng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong rắng mặt trời được?

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có tướng gì...

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rễ cây ấy. Sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài. Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?

10) Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong các hành được?

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là

không có lỗi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lỗi cứng trong ảo thuật được?

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát, thức ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lỗi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lỗi cây trong thức được?

14) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

15) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- 1) *Sắc ví với đồng bọt,
Thọ ví bong bóng nước,
Tưởng ví ráng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thức ví với ảo thuật,
Đáng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.*
- 2) *Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chơn quán sát,
Như lý nhìn các pháp,
Hiện rõ tánh trống không.*
- 3) *Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,*

*Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy sắc bị quăng bỏ.*

4) *Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Làm đồ ăn kẻ khác.*

5) *Cái thân liên tục này,
Áo sư, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lỗi cây.*

6) *Hãy quán uẩn như vậy,
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,
Tỉnh giác, chánh tư niệm.*

7) *Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,
Sống như lửa cháy đầu,
Cầu chứng cảnh bất động.*

IV. Phân Bò (Tập 10, Đại 2,67c) (Trang 11, Đại 1,496a)
(Trang 34, Đại 1,645a) (S.iii,143)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, có thể có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

5-8) Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào... có thể có tưởng nào... có thể có các hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

9) -- Nay Tỳ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) Nay Tỳ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thế Tôn lấy tay cầm lên một miếng phân bò và nói với Tỳ-kheo ấy:

15) -- Nay Tỳ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ như thể này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

16) Nếu được một ngã thể nhỏ như thể này, nay Tỳ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Vì nay Tỳ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ bé như thể này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; do vậy đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

17) Thuở xưa, nay Tỳ-kheo, Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 đô thị, và đô thị Kusàvati là bậc nhất.

18) Nay Tỳ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất.

19) Nay Tỳ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 trùng các, và trùng các Mahāvỳuha là bậc nhất.

20) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 sàng tọa làm bằng ngà, làm bằng lõi cây, làm bằng vàng, làm bằng bạc, trái bằng nệm len có lông dài, trái bằng chăn len trắng, trái bằng chăn len thêu bông, trái nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, có lầu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

21) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con voi với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và voi chúa Uposatha là bạc nhất.

22) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con ngựa với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và ngựa chúa Valàhaka là bạc nhất.

23) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cỗ xe, với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bạc nhất.

24) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lị đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 châu báu, và Ma-ni châu là bạc nhất.

25) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 phụ nữ, và hoàng hậu Subhaddà là bạc nhất.

26) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 chư hầu Sát-đế-lị, và Binh chủ báu là bạc nhất.

27) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng, và chậu sữa bằng bạc.

28) Nay Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 áo bằng vải gai tinh tế, bằng vải lụa tinh tế, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế.

29) Này các Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 đĩa bần, và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên.

30) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 đô thị ấy, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusàvati.

31) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma.

32) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 trùng các ấy, trùng các Ta trú là trùng các Mahāvỳuha.

33) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 sàng tọa ấy, sàng tọa Ta thọ dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây, hay bằng vàng, hay bằng bạc.

34) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con voi ấy, con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa Uposatha.

35) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con ngựa ấy, con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Valāhaka.

36) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cỗ xe ấy, cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

37) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyāni hay Velāmikā.

38) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc bằng vải gai tinh tế, hay bằng lụa tinh tế, hay bằng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế.

39) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 đĩa bần ấy, một đĩa bần Ta dùng để ăn một phần (nālīka) cơm, còn đĩa bần thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương.

40) Như vậy, này các Tỷ-kheo, tất cả các hành ấy là thuộc quá khứ, đoạn diệt, biến hoại.

41) Như vậy vô thường, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy không thường hằng, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy không thường trú, này các Tỷ-kheo, là các hành.

42) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát.

V. Đầu Ngón Tay (Tăng 14, Đại 2,617b) (S.iii,147)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

4) -- Bạch Thế Tôn, có thể có sắc nào là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

5) Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào...

6) Bạch Thế Tôn, có thể có tưởng nào...

7) Bạch Thế Tôn, có thể có các hành nào...

8) Bạch Thế Tôn, có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

9) -- Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy lại thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trong đầu ngón tay và nói với Tỷ-kheo ấy:

15) -- Nay Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một sắc nhỏ như thế này, nay Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, nay Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

16) Cho đến một thọ nhỏ như thế này, nay các Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn, thường hằng, vĩnh trú. Nếu thọ nhỏ như thế này, nay Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú... có thể trình bày.

17) Cho đến một tưởng...

18) Cho đến một hành...

19) Cho đến một thức nhỏ như thế này, nay Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú. Nếu một thức nhỏ như thế này, nay Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, nay Tỷ-kheo, cho đến một thức nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, chịu sự biến hoại, không vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, do vậy đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

20) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

21-22) Do vậy, thấy vậy... "... không có trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

VI. Thanh Tịnh (hay **Biển**) (Tập 18, Đại 2,69c) (S.iii,149)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

4) -- Có một sắc nào, bạch Thế Tôn, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

5-8) Có một thọ... tưởng... hành... thức nào, bạch Thế Tôn, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

9) -- Không có một sắc nào, này Tỷ-kheo, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

10-13) Không có một thọ... một tưởng... các hành... một thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

VII. Dây Thẳng (Hay **Dây Buộc**) (Tập 10, Đại 2,69b) (S.iii,149)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điềm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Có thể có một thời, này các Tỷ kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

5) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, Sineru(Tu-di), Vua các núi, đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi!

6) Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển luân hồi!

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thừng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã... quán thọ như là tự ngã... quán tưởng như là tự ngã... quán các hành như là tự ngã... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... người ấy chạy theo vòng theo, chạy tròn xung quanh thức; người ấy không giải thoát khỏi

sắc, không giải thoát khỏi thọ, không giải thoát khỏi tưởng, không giải thoát khỏi các hành, không giải thoát khỏi thức, không giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta tuyên bố rằng: "Vị ấy không giải thoát khỏi khổ đau".

8) Nhưng bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, được thấy các bậc Thánh... khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... các hành... thức; do không chạy vòng theo, chạy vòng tròn xung quanh thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói: "Vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ".

VIII. Dây Thằng (Hay Dây Buộc) (Tập 10, Đại 2,69c) (S.iii,151)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điềm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thừng trói chặt vào một cây cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột

hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Nếu người ấy có đi, người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy ngồi, người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy nằm, người ấy chỉ nằm gần năm thủ uẩn này.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

7) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy một bức họa gọi là danh họa không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm còn đa dạng hơn cả danh họa ấy.

8) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

9) Này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một bộ loại nào khác lại đa dạng như tâm. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy, này các Tỷ-

kheo, do tâm tư duy (mà thành). Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

10) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay mực, hay nghệ, hay màu xanh, hay màu đỏ tía, hay một tấm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tấm vải. Người ấy có thể vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đầy đủ tất cả chi tiết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu, liên tục làm cho hiện hữu sắc... thọ... tưởng... các hành... liên tục làm cho hiện hữu thức.

12) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

13-14) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo... Thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

IX. Cán Búa (Hay Chiếc Thuyền) (Tập 10, Đại 2,67a) (S.iii,152)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức. Đây là thức tập khởi. Đây là thức đoạn diệt. Do biết như vậy, do thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!" Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ. Không có tu tập Bốn chánh cần. Không có tu tập Bốn như ý túc. Không có tu tập Năm căn. Không có tu tập Năm lực. Không có tu tập Bảy giác chi. Không có tu tập Thánh đạo Tám ngành.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

8) Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỡ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỡ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

10) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

12) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần. Có tu tập Bốn như ý túc. Có tu tập Năm căn. Có tu tập Năm lực. Có tu tập Bảy giác chi. Có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

14) Ví như, nay các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy có

thê với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

18) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ đá hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được hao mòn trên sự hao mòn các lậu hoặc.

20) Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát.

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

X. Vô Thường Tánh (Hay Tướng) (Tập 10, Đại 2,70c) (S.iii,155)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được đoạn tận trừ.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được đoạn tận trừ.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ, nắm lấy đầu ngọn đập lên, đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được đoạn tận trừ.

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được đoạn tận trừ.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn, phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tối thượng hơn

chúng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng... tất cả ngã mạn được tận trừ.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương anusari đen là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gì, hương chiêm-đàn đỏ là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương vassika là tối thượng hơn những hương ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. .. tất cả ngã mạn được tận trừ.

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc vua Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, ánh sáng các loại sao gì, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng được xem là tối thượng trong các ánh sáng ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

13) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuối sạch tất cả u ám khỏi hư không, bùng sáng, chói sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

14) Tu tập vô thường tưởng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?

15) Đây là sắc; đây là sắc tập khởi; đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt.

16) Vô thường tưởng được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận; tất cả hữu tham được đoạn tận; tất cả vô minh được đoạn tận; tất cả ngã mạn được tận trừ.

C. Năm Mười Kinh Sau

I. Phẩm Biên

I. Biên Kinh (Tập 3, Đại 2,18b) (S.iii,157)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có bốn biên này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Hữu thân biên, hữu thân tập khởi biên, hữu thân đoạn diệt biên, hữu thân đoạn diệt đạo biên.

4) Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân biên? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thủ uẩn.

5) Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi biên? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi biên.

6) Nay các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt biên? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt biên.

7) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt đạo biên? Chính là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt đạo biên.

II. Khổ (S.iii,158)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về Khổ, Khổ tập khởi, Khổ đoạn diệt, Con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Đây gọi là Khổ, nay các Tỷ-kheo.

5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập khởi? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh... phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ tập khởi.

6) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ đoạn diệt.

7) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

III. Hữu Thân (Tập 3, Đại 2,18b) (S.iii,159)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về hữu thân, hữu thân tập khởi, hữu thân đoạn diệt, con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân? Phải trả lời rằng chính là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi? Chính là khát ái này... Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không có dư tàn khát ái ấy... sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt.

IV. Sở Biến Tri (Tập 3, Đại 2,19a) (S.iii,159)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông các pháp cần phải biến tri, sự biến tri và con người đã biến tri. Hãy lắng nghe.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải biến tri. Thọ...

tưởng... các hành... thức là pháp cần phải biến tri. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp cần phải biến tri.

5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sự biến tri? Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sự biến tri.

6) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là con người đã biến tri? Cần phải trả lời là bậc A-la-hán. Bậc Tôn giả này, với tên như vậy, với dòng họ như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con người đã biến tri.

V. Các Sa Môn (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có năm thủ uẩn, nay các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nay các Tỷ-kheo, không như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ...; tự mình chứng ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú.

VI. Các Sa Môn (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4-5) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nay các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này... biết rõ...; tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú.

VII. Dự Lưu (S.iii,160)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Và khi nào vị Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị Đa văn Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Dự lưu, không còn bị thối thất, đã được quyết định, hướng đến Chánh Đẳng Giác.

VIII. A-La-Hán (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Và khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này, được giải thoát không có chấp thủ. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí.

IX. Dục Được Đoạn Trừ (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, phạm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

4-6) Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Nay các Tỷ-kheo, phạm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, thức sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

X. Dục Được Đoạn Trừ (S.iii,161)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, phạm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, phạm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với sắc... hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ...

4-6)... Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

7) Nay các Tỷ-kheo, phạm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, phạm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với thức, hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

II. Phẩm Thuyết Pháp

I. Vô Minh (Hay Vị Tỷ-kheo) (S.iii,162)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

4-8) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

II. Minh (Hay Vị Tỷ-kheo) (S.iii,163)

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Minh, minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

6-8)... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Và cho đến như vậy, một người là minh.

III. Vị Thuyết Pháp (Tập 3, Đại 2,5c) (S.iii,163)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi xuống, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được gọi là vị thuyết pháp?

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với thọ... Nếu Tỷ-kheo đối với tưởng... Nếu Tỷ-kheo đối với các hànhh...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

IV. Vị Thuyết Pháp (S.iii,164)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại?

3-4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhầm

chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với thọ... đối với tướng... đối với các hành...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhầm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

V. Trói Buộc (Tập 2, Đại 2,19b) (S.iii,164)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phạm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

4-6) ... quán thọ... quán tướng... quán các hành...

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân

nhân, quán thức như là tự ngã, tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phạm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của thức, bị trói buộc bởi các trói buộc của nội ngoại, kẻ không thấy bờ bên này, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

8) Còn vị Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, không bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ bên này, vị đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

9-11) ... Đối với thọ... với tưởng.... với các hành...

12) ... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi sự trói buộc của thức, không bị trói buộc bởi sự trói buộc nội ngoại; vị đã thấy bờ bên này, đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy đã giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

VI. Giải Thoát (Tập 2, Đại 2,19c) (S.iii,165)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Các Ông có quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Nay các Tỷ-kheo, các Ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

7) Do thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VII. Giải Thoát (Tập 2, Đại 2,19c) (S.iii,166)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, nay các Tỷ-kheo, các Ông có quán sắc: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thừa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... thọ... tưởng... các hành...

6) ... các Ông có quán thức: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thừa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

7) Do thấy vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VIII. Kiết Sử (S.iii,166)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về các pháp bị trói buộc và sự trói buộc. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị trói buộc? Thế nào là sự trói buộc? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với sắc là sự trói buộc của sắc.

5-7) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

8) Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với thức là sự trói buộc của thức.

9) Nay các Tỷ-kheo, các pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp bị trói buộc. Đây là sự trói buộc.

IX. Chấp Thủ (S.iii,167)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về các pháp bị chấp thủ và sự chấp thủ. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ? Thế nào là sự chấp thủ? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với sắc là sự chấp thủ đối với sắc.

5-7) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

8) Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với thức là sự chấp thủ đối với thức.

9) Nay các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị chấp thủ. Đây là sự chấp thủ.

X. Vị Giữ Giới (Tập 10, Đại 2,65b) (S.iii,167)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý?

4) -- Nay Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Nay Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới do như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Dự lưu.

7) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, nay Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, nay Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, nay Hiền giả,

Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Nhứt lai.

10) -- Nhưng Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Bất lai.

12) -- Nhưng Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả A-la-hán.

16) -- Nhưng vị A-la-hán, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khô, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

XI. Vị Có Nghe (S.iii,169)

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).

XII. Kappa (Tập 1, Đại 2,4c) (S.iii,169)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, lại không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn?

4) -- Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc thắng hay liệt, hoặc xa hay gần; tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-7) Phàm có thọ gì... tưởng gì... các hành gì...

8) Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Do biết như vậy, do thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

XIII. Kappa (S.iii,170)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm

ý không còn các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

3) -- Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... tất cả sắc, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

4-6) Phàm có thọ gì... tưởng... các hành...

7) Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

8) Do biết như vậy, thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

III. Phẩm Vô Minh

I. Tập Pháp (Tập 10, Đại 2,64b) (S.iii,171)

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...
- 3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

5-7) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

8) ... không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, không như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt, không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

9) Như vậy, này Tỷ-kheo, gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, bạch Thế Tôn? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

11) -- Ở đây, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

12-14) ... "Thọ... Tưởng... Các hành..".

15) ... Như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi, như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là

thức chịu sự đoạn diệt, như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

16) Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là minh, cho đến như vậy được gọi là minh.

II. Tập Pháp (S.iii,172)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bārānasi, tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả Sàriputta? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

(... như kinh trên).

III. Tập Pháp (S.iii,173)

1-2) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bārānasi (Ba-la-nại), Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), tại vườn Lộc Uyển.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Minh, minh", thưa Tôn giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả Sàriputta? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

(... như kinh trên).

IV. Vi Ngộ

1-2) Tại Bārānasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Đây là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

V. Vị Ngọt (S.iii,174)

1-2) Tại Bārānasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- "Minh, minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tưởng... của các hành... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Đây gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

VI. Tập Khởi (S.iii,174)

1-2) Bārānasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến là như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

VII. Tập Khởi (S.iii,174)

1-2) Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kotthika thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- "Minh, minh" thưa Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

4) -- Ở đây, thưa Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy được gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

VIII. Kotthika (S.iii,175)

1) Bàrànasi, Isipatana, Migadàya.

2) Tôn giả Sàriputta vào buổi chiều...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Vô minh, vô minh", này Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy gọi là vô minh, thưa Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta và nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

11) -- Ở đây, thưa Hiền giả, vị Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của sắc.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

16) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IX. Kotthika (S.iii,175)

1) ... Bàrànasi, Isipatana, Migadàya.

2-3) -- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

11) -- Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

16) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy, được gọi là minh.

X. Kotthika (S.iii,176)

1-2) Nhân duyên như trên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, thưa Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

10) Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Kotthika:

-- "Minh, minh", thưa Hiền giả Kotthika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là minh?

11)-- Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

16) Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IV. Phẩm Than Đỏ

I. Than Đỏ Hực (S.iii,177)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Sắc là than đỏ, này các Tỷ-kheo! Thọ là than đỏ! Tưởng là than đỏ! Các hành là than đỏ! Thức là than đỏ!

4) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với các hành, nhằm chán đối với thức.

5) Do nhằm chán nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Vô Thường (S.iii,177)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

3) Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường.

4-6) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

7) Thức là vô thường, ở đây, các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

8) Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

III. Vô Thường

(Như kinh trên, chỉ khác là tham (ràga) thay thế cho dục (chanda).

IV. Vô Thường

(Như kinh trên, chỉ khác là cả dục và tham).

V-VI-VII. Khổ (1,2,3)

(Như kinh trên, chỉ khác là khổ thay thế cho vô thường).

VIII-IX-X. Vô Ngã (1,2,3)

(Như kinh trên, chỉ khác là vô ngã thay thế cho khổ).

XI. Thiện Nam Tử Khổ (Tập 2, Đại 2,12a) (S.iii,179)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp (anudhammam): Hãy sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, hãy sống nhàm chán nhiều đối với thức.

4) Ai sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, ai sống nhàm chán nhiều đối với thức thì sẽ biến tri sắc... thọ... tưởng... các hành, biến tri thức.

5) Vị nào biến tri sắc, biến tri thọ, biến tri tưởng, biến tri các hành, biến tri thức, thì được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi các hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XII. Thiện Nam Tử Khổ

(Như kinh trên, chỉ khác là "thấy vô thường" thay thế "sống nhàm chán").

XIII. Thiện Nam Tử Khổ

(Nhu kinh trên, ở đây chỉ khác là "thấy vô ngã").

V. Phẩm Kiến**I. Nội** (Tập 7, Đại 2,43b) (S.iii,180)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, nội lạc, khổ khởi lên?

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản....,...

5) -- Này các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, nội lạc, khổ khởi lên.

6-8)... thọ... tưởng... các hành...

9) Do có thức, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

11-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

14) -- Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) Do thấy vậy... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Cái Đây Là Của Tôi (Tập 7, Đại 2,43a) (S.iii,181)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì mà quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5-9) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc... do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

10) Các Ông nghĩ thế nào, nay các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn...

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

11-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành...

14) -- Thức là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

III. Ngã (Tập 7, Đại 2,43c) (S.iii,182)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, tà kiến này khởi lên: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

4) -- Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

6-9) ... thọ... tưởng... các hành...

10) Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

-- Các Ông nghĩ thế nào, nay các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

11-14) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Và Nếu Không Phải Của Tôi (S.iii,183)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì tà kiến như sau sanh khởi: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Này các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta,

thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

V. Tà Kiến (S.iii,184)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ gì, do thiên chấp gì, tà kiến khởi lên?

4) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

5) -- Nay các Tỷ-kheo, do có sắc, có chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc nên tà kiến khởi lên.

6-9)... thọ... tưởng... các hành...

Do có thức, do có chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên tà kiến khởi lên.

10) Các Ông nghĩ thế nào, nay các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

11-14) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Hữu Thân

(Giống như kinh trước, chỉ thế "hữu thân" cho "tà kiến").

VII. Ngã Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thế "ngã kiến" (attànuditthi) cho "hữu thân").

VIII. Thân Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thế "bị trói buộc, thiên chấp kiết sử" cho "ngã kiến").

IX. Thân Kiến

(Giống như kinh trước, chỉ thêm: "Sự tham trước về sự trói buộc, thiên chấp các kiết sử").

X. Ananda (S.iii,187)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để sau khi nghe pháp, con sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Ông nghĩ thế nào, này Ananda, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5-8) -- Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

9) Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Chương II: Tương Ứng Ràdha

I. Phẩm Thứ Nhất

I. Màra (Tập 6, Đại 2,39b) (S.iii,188)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Màra, Màra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Màra?

4) -- Nếu có sắc, này Ràdha, thời có chết (Màra) hay có sát giả (Màretà), hay có sự chết (Miiyati). Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy sắc là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy sắc như vậy là thấy chon chánh.

5-7) ... Thọ... tưởng... các hành...

8) Nếu có thức, này Ràdha, thời có chết, hay có sát giả, hay có bị chết. Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh hoạn, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy thức như vậy là thấy chon chánh.

9) -- Bạch Thế Tôn, chánh quán với mục đích gì?

-- Chánh quán, này Ràdha, với mục đích nhằm chán.

10) -- Bạch Thế Tôn, nhằm chán với mục đích gì?

-- Nhằm chán, này Ràdha, với mục đích ly tham.

11) -- Bạch Thế Tôn, ly tham với mục đích gì?

-- Ly tham, này Ràdha, với mục đích được giải thoát.

12) -- Bạch Thế Tôn, giải thoát với mục đích gì?

-- Giải thoát, này Ràdha, với mục đích Niết-bàn.

13) -- Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?

-- Này Ràdha, Ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-bàn, này Ràdha, là sự thực hành Phạm hạnh; Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng; Niết-bàn là cứu cánh.

II. Chúng Sanh (Tập 6, Đại 2,40a) (S.iii,189)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Chúng sanh, chúng sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh?

4) -- Này Ràdha, dục nào (chanda), tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, triền phược ở đây, triền miên ở đây, do vậy gọi là chúng sanh (sattà).

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, triền phược ở đây, triền miên ở đây, do vậy gọi là chúng sanh.

9) Ví như, này Ràdha, các đũa con trai hay các đũa con gái chơi với cái nhà bằng đất. Cho đến khi đối với những nhà bằng đất ấy, lòng tham chưa thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, thời chúng còn tham dính vào, thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.

10) Nhưng khi nào các đũa con trai hay các đũa con gái ấy đối với những nhà bằng đất kia, lòng tham đã thoát ly, lòng dục đã thoát ly, lòng ái đã thoát ly, lòng khát đã thoát ly, lòng nhiệt tình đã thoát ly, lòng khát ái đã thoát ly, thời với tay và với chân, chúng phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.

11) Cũng vậy, này Ràdha, Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với sắc.

12-14) ... thọ... tưởng... các hành...

15) ... Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập và không chơi với thức, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với thức.

16) Đoạn diệt khát ái, này Ràdha, là Niết-bàn.

III. Sợi Dây Tái Sanh (Tập 6, Đại 2,37c) (S.iii,190)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Đoạn diệt sợi dây tái sanh. Đoạn diệt sợi dây tái sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là sợi dây tái sanh, bạch Thế Tôn? Thế nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh?

4) -- Này Ràdha, phạm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phạm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp

tùy miên gì đối với sắc, như vậy gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

5-7)... đối với thọ... với tưởng... với các hành...

8) Phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với thức, đó gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

IV. Sở Biến Tri (Tập 6, Đại 2,37c) (Parinneyya) (S.iii,191)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Nay Ràdha, Ta sẽ thuyết về các pháp cần phải biến tri, sự biến tri. Và Ông đã được biến tri. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

4) -- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ràdha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Nay Ràdha, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Thọ, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Tưởng, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Các hành, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Thức, này Ràdha, là pháp cần phải biến tri. Những pháp này, này Ràdha, là những pháp cần phải biến tri.

5) Và này Ràdha, thế nào là sự biến tri?

Này Ràdha, sự đoạn diệt tham, sự đoạn diệt sân, sự đoạn diệt si. Như vậy, này Ràdha, gọi là chánh biến tri.

6) Và này Ràdha, thế nào là người đã chánh biến tri? Bạc A-la-hán, cần phải trả lời như vậy. Bạc Tôn giả với tên

như thế này, với dòng họ như thế này. Như vậy, này Ràdha, là người đã được chánh biến tri.

V. Sa Môn (S.iii,191)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

5) Này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

6) Nhưng này Ràdha, những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn, và được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các vị Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VI. Sa Môn (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Này Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức

thủ uẩn... (như kinh trên, chỉ thêm sự tập khởi và sự đoạn diệt vào vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn).

VII. Bậc Dự Lưu (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) Nay Ràdha, khi nào bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này. Vị này, nay Ràdha, được gọi là vị Thánh đệ tử đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến cứu cánh bờ-đề.

VIII. Bậc A-La-Hán (S.iii,192)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay Ràdha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

5) -- Nay Ràdha, khi nào Tỷ-kheo sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí.

IX. Dục Tham (S.iii,193)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Thế Tôn nói với Tôn giả Ràdha đang ngồi một bên:

-- Nay Ràdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, sắc sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

5-7) ... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành...

8) Nay Ràdha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với thức, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, thức sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

X. Dục Tham (Siii, 193)

(Như kinh trên, chỉ thêm vào: "Phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên").

II. Phẩm Thứ Hai

I. Màra

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Màra, Màra", bạch Thế Tôn, như vậy được gọi đến. Thế nào là Màra, bạch Thế Tôn?

4) -- Sắc, này Ràdha, là Màra. Thọ là Màra. Tưởng là Màra. Hành là Màra. Thức là Màra.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với các hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành,

những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Tánh Chất Của Màra.

(Như kinh trước, chỉ thay Màra bằng tánh chất của Màra (Màradhamma)).

III. Vô Thường

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?

4) -- Sắc, này Ràdha, là vô thường. Thọ là vô thường. Tưởng là vô thường. Hành là vô thường. Thức là vô thường.

5) Do thấy vậy... Vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

IV. Vô Thường Tánh

(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "vô thường tánh").

V. Khổ

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ?

4) -- Sắc, này Ràdha, là khổ. Thọ là khổ. Tưởng là khổ. Các hành là khổ. Thức là khổ.

5) Do thấy vậy... Vị ấy biết rõ... "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

VI. Khổ Tánh

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "khổ tánh").

VII. Vô Ngã

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "vô ngã").

VIII. Vô Ngã Tánh

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "vô ngã tánh").

IX. Tận Pháp

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "tận pháp" (khayadhamma: chịu sự đoạn tận)).

X. Diệt Pháp

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "diệt pháp" (vayadhamma: chịu sự đoạn diệt)).

XI. Tập Khởi Pháp (Samudayadhamma)

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "tập khởi pháp").

XII. Đoạn Diệt Pháp (Nirodhadhamma)

(Như kinh trên, chỉ thay "khổ" bằng "đoạn diệt pháp").

III. Phẩm Sơ Vấn

I. Về Màra (Tập quyển 6, Đại 2,40c) (S.iii,198)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-23) -- Cái gì là Màra, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Màra, này Ràdha? Sắc, này Ràdha, là Màra; ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Các hành... Thức là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

24) Cái gì thuộc về Ma tánh (Màradhamma), này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...

25) Cái gì là vô thường...

26) Cái gì là vô thường tánh...

27) Cái gì là khổ...

28) Cái gì là khổ tánh...

29) Cái gì là vô ngã...

30) Cái gì là vô ngã tánh...

31) Cái gì là đoạn tận...

32) Cái gì là đoạn diệt...

33) Cái gì là tập khởi tánh, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

II. Đoạn Diệt Tánh (S.iii,199)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) -- Cái gì là đoạn diệt pháp, này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là đoạn diệt pháp, này Ràdha? Sắc, này Ràdha, là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là đoạn diệt pháp; ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

IV. Phẩm Thân Cận

I. Màra (Phẩm III - Sơ vấn)

II. Màra Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

III. Vô Thường (Phẩm III - Sơ vấn)

IV. Vô Thường Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

V. Khổ (Phẩm III - Sơ vấn)

VI. Khổ Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

VII. Vô Ngã (Phẩm III - Sơ vấn)

VIII. Vô Ngã Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

IX. Tận Diệt (Phẩm III - Sơ vấn)

X. Đoạn Diệt (Phẩm III - Sơ vấn)

XI. Tập Khởi (Phẩm III - Sơ vấn)

XII. Đoạn Diệt Tánh (Phẩm III - Sơ vấn)

Chương III: Tương Ứng Kiến

I. Phẩm Dự Lưu

I. Gió (Tập 7, Đại 2,45a) (S.iii,202)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời

không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có thọ... có tướng... có các hành...

8) Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- Thọ... Tướng... Các hành...

13) ... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Cái Này Là Của Tôi. (S.iii,203)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

5-7) Do có thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-12) --. .. Thọ... Tưởng... Các hành...

13) Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khô, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khô đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị trôi dạt, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

III. Cái Đây Là Tự Ngã (S.iii,204)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) Do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Thánh đệ tử chúng được Dự lưu, không còn thối đạo, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

IV. Có Thể Không Phải Của Tôi (S.iii,205)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

(Như kinh trên, chỉ có sự sai khác về "tà kiến").

V. Không Có (Tập 7, Đại 2,43c) (S.iii,206)

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn chánh hạnh, chánh hướng, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong

đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi (đến chỗ hỏa táng), thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết"?

3)-- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) *(Như kinh trên, chỉ khác ở "tà kiến")*.

VI. Đối Với Người Hành Động (Tập 7, Đại 2,44b) (S.iii,208)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến

người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo. Bố thí, điều phục, cấm giới, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"?

4) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến").

VII. Nhân (Tập 7, Đại 2,44a) (S.iii,210)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tánh của họ. Họ hưởng thọ khổ, lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác phần "tà kiến").

VIII. Đạt Tà Kiến (Tập 7, Đại 2,44b, 44c) (S.iii,211)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, khởi lên (tà) kiến như sau: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không

sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc"?

3) Bảy thân ấy là gì? - Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lăng nhau, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc.

4) Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi.

5) Có tất cả là 1.400.000 chủng loại thác sanh, lại có thêm 6.000 và có thêm 600 nữa. Có 500 loại nghiệp và năm nghiệp (theo 5 căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), và bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, 4.900 sanh nghiệp, 4.900 kẻ du hành, 4.900 chỗ ở của loài Nàga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tướng thai, 7 vô tướng thai, 7 tiết thai, 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài quý, 7 hồ nước, 7 pavutas (rừng hay hồ nhỏ), 7 papàta (vực thăm), 700 papàta (vực thăm), 7 mộng, 700 mộng, có 8 trăm 40 vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.

6) Không có lời nguyện: "Với giới hạnh này, với kỹ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường,

trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn.

7) Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau".

8) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

IX. Thế Gian Là Thường (S.iii,213)

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến". Ở đây "tà kiến" được thay bằng "thế gian là thường").

X. Thế Gian Là Vô Thường (S.iii,214)

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến").

XI. Hữu Biên

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XII. Vô Biên

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XIII. Mạng Với Thân Là Một

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XIV. Mạng Với Thân Là Khác

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XV. Như Lai Có Tồn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVI. Như Lai Không Có Tồn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVII. Như Lai Có Tồn Tại Và Không Có Tồn Tại

(Như các kinh trên, chỉ khác về "tà kiến")

XVIII. Như Lai Không Tồn Tại Và Không Không Tồn Tại (S.iii,216)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4-8) -- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"... ... thọ... tưởng... các hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên (tà) kiến này: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... Thọ... Tưởng... Các hành... Thức...

14) -- Cái được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư; cái ấy là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến như sau: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với các xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ, đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ, đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ, đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ, đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ, vị Thánh đệ tử như vậy được gọi là đã chứng được bậc Dự lưu, không bị thối đọa, chắc quyết hướng đến giác ngộ.

II. Phẩm Trùng Thuyết (1)

I. Gió

(Những kinh I, II trong phẩm này là giống như những kinh trong Chương Ba, Kiến Tương Ưng từ số I cho đến số XVIII).

II. Phi Hữu Phi Vô (S.iii,218)

III. Phẩm Trùng Thuyết (2)

I. Tụ Ngã Có Sắc

(Những kinh này giống như các kinh trước chỉ khác là "tà kiến" được thay bằng "Tụ ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh").

II. Tụ Ngã Không Có Sắc.

(như trên, được thay bằng "Tụ ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh").

III. Tụ Ngã Có Sắc Và Không Sắc.

IV. Tụ Ngã Không Có Sắc Và Không Không Sắc

V. Thuần Lạc

(... "Tụ ngã là thuần lạc, sau khi chết, không bệnh").

VI. Thuần Khổ

VII. Thuần Lạc Và Thuần Khổ

VIII. Chẳng Phải Khổ , Chẳng Phải Lạc (S.iii,220)

IV. Phẩm Trùng Thuyết (3)

I. (Như kinh Chương Một I, Kinh Nakulapità).

II- XXV. (Như kinh từ số I, Phẩm Trùng Thuyết 1, đến VII Phẩm Trùng Thuyết 2)

XXVI. Phi Lạc Phi Khổ (Như kinh VIII, Phẩm Trùng Thuyết 2).

V. Phẩm Trùng Thuyết (4)

I - XXVII. Như kinh (I-II) Phẩm Trùng Thuyết 3) (S.iii,222)

Chương IV: Tương Ứng Nhập

I. Con Mắt (S.iii,225)

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.

4) -- Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

5) Với ai, này các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

6) Với ai, này các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Sắc

(Như kinh trên, chỉ thế "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý" bằng "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp").

III. Thức

(Như kinh trên, chỉ thế vào "nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức").

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thế vào "nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc").

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh").

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thế vào "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").

X. Uẩn (S.iii,227)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn").

Chương V: Tương Ứng Sanh

I. Mắt (Tập 13, Đại 2,90c) (S.iii,228)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của mắt là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

4-8) Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

9) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của sắc là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

10-14) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

II. Sắc

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

III. Thức

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

Chương V: Tương Ứng Sanh

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào *thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thế vào *địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,231)

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*).

Chương VI: Tương Ứng Phiền Não

I. Con Mắt (S.iii,232)

1-2) Nhân duyên ở Sāvathi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, dục tham đối với mắt là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tai là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với mũi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với lưỡi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thân là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với ý là tùy phiền não của tâm.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. Sắc

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

III. Thức

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*).

IV. Xúc

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào *nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

Chương VI: Tương Ứng Phiền Não

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào *thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới

(Như kinh trên, chỉ thế vào *địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,234)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, dục tham đối với sắc uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thọ uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tưởng uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với hành uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thức uẩn là tùy phiền não của tâm.

4) Nay các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

Chương VII: Tương Ứng Sàriputta

I. Lý (S.iii,235)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực.

3-4) Đi khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực về, Tôn giả đi đến Andhavana để nghỉ trưa. Sau khi đi vào rừng Andha, Tôn giả đến ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây.

5) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mắt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào?

7) -- Ở đây, này Hiền giả, ly dục, ly pháp bất thiện, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất".

Chương VII: Tương Ứng Sàriputta

8) -- Như vậy chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất".

II. Không Tầm

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?

7) -- Ở đây, này Hiền giả, làm cho lắng dịu tầm và tứ, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhưt tâm. Tôi không có khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai".

8) -- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai".

III. Hỷ

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

-- Hiền giả Sàriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mắt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, ly hỷ và trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là: "Xả niệm lạc trú", tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ ba", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ ba", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian... hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba".

IV. Xả

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến... với sự an trú nào?

7) -- Ở đây, này Hiền giả, xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ tư", hay "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ tư", hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ tư".

8) -- Như vậy, chắc chắn Hiền giả... hay "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ tư".

V. Không Vô Biên Xứ

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt lên hoàn toàn sắc tướng, đoạn diệt hữu đối tướng, không tác ý các dị tướng, với

Chương VII: Tương Ứng Sàriputta

ý nghĩ: "Hư không là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Nay Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ... hay "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả... "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ".

VI. Thức Vô Biên Xứ

1-6) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, nay Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, với ý nghĩ: "Thức là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... hay "... đã ra khỏi Thức vô biên xứ".

VII. Vô Sở Hữu Xứ

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi.

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, nay Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ, với ý nghĩ: "Không có vật gì", tôi chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ... hay "... đã ra khỏi Vô sở hữu xứ".

VIII. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

1-6) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi.

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, nay Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... hay "... đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

IX. Diệt Tận Định (Tập 18, Đại 2, 131) (S.iii,238)

1-6) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

... Tôn giả Ananda thấy... với sự an trú nào?

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng định. Nhưng này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tướng định", hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tướng định", hay "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tướng định".

-- Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhỏ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tướng định", hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tướng định", hay "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tướng định".

X. Sùcimukhi (Tịnh Điện) (S.iii,238)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rājagaha để khát thực. Sau khi đi khát thực từng nhà một ở Rājagaha (Vương Xá), Tôn giả ngồi dựa vào một bức tường, dùng đồ ăn khát thực.

3) Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo Sùcimukhi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

4) -- Này Sa-môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?

-- Này Chị, tôi ăn, không cúi mặt xuống.

5) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, ngưỡng mặt lên?

-- Này Chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên.

6) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?

Chương VII: Tương Ứng Sàriputta

-- Nay Chì, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương chính.

7) -- Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?

-- Nay Chì, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương phụ.

8) -- Được hỏi: "Này Sa-môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?" Ông trả lời: "Này Chì, tôi ăn, không cúi mặt xuống". Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, Ông ăn, ngưỡng mặt lên?" Ông đáp: "Này Chì, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên". Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?" Ông đáp: "Này Chì, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính". Được hỏi: "Vậy Sa-môn, Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?" Ông đáp: "Này Chì, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương phụ". Vậy này Sa-môn, Ông ăn, hành động như thế nào?

9) -- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý (nakkhattavijjà) và súc sanh minh (nghề hèn hạ); này Chì, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống.

10) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn (nakkhattavijjà) và súc sanh minh (nghề hèn hạ); này Chì, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên.

11) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới; này Chì, các vị ấy được gọi các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương chính.

12) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán, và các nghề hèn hạ;

này Chi, các vị ấy được gọi những Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ.

13) Còn ta, này Chi, ta không nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới; ta cũng không nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm món ăn một cách hợp pháp. Sau khi tìm món ăn một cách hợp pháp, ta dùng các món ăn ấy.

14) Rồi nữ tu sĩ ngoại đạo Sùcimukhi đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư này qua ngã tư khác ở thành Vương Xá, và tuyên bố: "Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách hợp pháp. Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách không có lỗi lầm. Hãy cúng dường các món ăn cho Sa-môn Thích tử".

Chương VIII: Tương Ứng Loài Rồng

I. Chủng Loại (Tập 19, Đại 2, 646a) (S.iii,240)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo có bốn loại Nàga (rồng, rắn) về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Nàga từ trứng sanh, loại Nàga từ thai sanh, loại Nàga từ ẩm ướt sanh, loại Nàga hóa sanh. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Nàga theo sanh chủng.

II. Diệu Thắng (S.iii,240)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại Nàga về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Nàga từ trứng sanh, loại Nàga từ thai sanh, loại Nàga từ ẩm ướt sanh, loại Nàga hóa sanh.

5) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, loại Nàga từ thai sanh, loại từ ẩm ướt sanh, và loại hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh.

6) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, loại Nàga từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh và từ thai sanh.

7) Tại đây, nay các Tỷ-kheo, loại Nàga hóa sanh thù thắng hơn loại Nàga từ trứng sanh, loại từ thai sanh và loại từ ẩm ướt sanh.

Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Nàga theo sanh chủng.

III. Uposatha (Bố-tát) (S.iii,241)

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số Nàga từ trứng sanh, sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, một số Nàga từ trứng sanh suy nghĩ như sau: "Trước đây chúng ta đã làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý. Do chúng ta làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý ấy, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta sanh cộng trú với các Nàga do trứng sanh.

5) Nếu nay chúng ta làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý, như vậy khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh thiện thú, thiên giới, thế giới này.

6) Vậy nay chúng ta hãy làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý".

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây một số Nàga do trứng sanh, sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng.

IV. Uposatha (S.iii,242)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi một Tỷ-kheo...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Nàga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng?

4-6) (Như kinh trước)

7) -- Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một số Nàga từ thai sanh sống giữ hạnh Uposatha và từ bỏ thân của chúng.

V. Uposatha

(Như kinh trước chỉ thế vào: *Loại Nàga từ âm uớt sanh*).

VI. Uposatha

(Như kinh trước, chỉ thế vào: *Loại Nàga hóa sanh*).

VII. Nghe (S.iii,243)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, một loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Loại Nàga từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh cộng trú với loại Nàga từ trứng sanh!"

6) Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với loại Nàga từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh.

VIII. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thế vào: *Loại Nàga từ thai sanh*).

IX. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thế vào: *Loại Nàga từ âm uớt sanh*).

X. Nghe

(Như kinh trước, chỉ thế vào: *Loại Nàga hóa sanh*).

XI. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,244)

1-3)... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Nàga từ trứng sanh, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh!"

6) Chúng bồ thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại

(chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí xe cộ... Chúng bố thí vòng hoa... Chúng bố thí hương... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bố thí ngọc cụ... Chúng bố thí nhà cửa... Chúng bố thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Nàga từ trứng sanh.

XII-XIV. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,245)

(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Nàga còn lại và câu trả lời nói lên theo mỗi trường hợp).

Chương IX: Tương Ứng Kim Xí Điều

I. Chủng Loại (S.iii,246)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim xí điều từ trứng sanh, loại Kim xí điều từ thai sanh, loại Kim xí điều từ ẩm ướt sanh, loại Kim xí điều hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

II. Mang Đi (Tăng 19, Đại 2, 646a) (S.iii,247)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim xí điều từ trứng sanh... loại Kim xí điều hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

4) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ trứng sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, không mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và hóa sanh.

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ thai sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, không mang đi các loại Nàga từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh.

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ ẩm ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, các loại từ

thai sanh và các loại từ âm ướt sanh, không mang đi các loại Nàga hóa sanh.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều hóa sanh, mang đi các loại Nàga từ trứng sanh, từ thai sanh, từ âm ướt sanh và các loại hóa sanh.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều về sanh chủng.

III. Làm Hai Hạnh (S.iii,247)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "Loại Kim xí điều từ trứng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

IV. Làm Hại Hạnh (S.iii,248)

(Như kinh trước, chỉ thế vào các loại Kim xí điều từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh).

V. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,248)

1-3) Nhân duyên ở Sàvathi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh?

4) -- Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim xí điều từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh!"

6) Chúng bồ thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh. Chúng bồ thí đồ uống... Chúng bồ thí vải mặc... Chúng bồ thí hương liệu xoa bóp... Chúng bồ thí ngọc cụ... Chúng bồ thí nhà cửa... Chúng bồ thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

VI. Ứng Hộ BỐ Thí (S.iii,248)

(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Kim xí điều còn lại và câu trả lời được nói lên theo mỗi trường hợp).

Chương X: Tương Ứng Càn Thát Bà

I. Chúng Loại (S.iii,249)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về chư Thiên thuộc loại Gandhabba (Càn-thát-bà). Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là chư Thiên thuộc loại Gandhabba? Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương rễ cây. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương lõi cây. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương giác cây. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây trong. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây ngoài. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương lá cây. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương bông. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương trái cây. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vị. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương hương.

5) Những loại này, này các Tỷ-kheo được gọi là chư Thiên thuộc loại Càn-thát-bà.

II. Thiện Hành (S.iii,250)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

4) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba?

5) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh

về ý. Họ nghe nói như sau: "Chư Thiên thuộc loại Gandhabba được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

6) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba!" Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba.

7) Do nhân này, do duyên này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại Gandhabba.

III. Kể Bồ Thí (1) (S.iii,251)

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rễ cây?

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại Gandhabba trú hương rễ cây. Họ được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

6) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rễ cây!"

Họ bố thí hương rễ cây. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rễ cây.

7) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh) được sanh cộng trú với chư Thiên trú hương rễ cây.

IV-XII. Kẻ Bố Thí (2-10) (S.iii,251)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "kẻ bố thí hương lõi cây" ... cho đến "kẻ bố thí hương hương").

XIII. Ủng Hộ Bố Thí (1)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "họ bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, cỗ xe, vòng hoa, hương, hương liệu xoa bóp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn dầu, để sanh cộng trú với chư Thiên sống trên hương từ gốc rễ").

XIV - XXIII. Ủng Hộ Bằng Bố Thí (2-10)

(Như kinh trên, chỉ thế vào "chư Thiên trú trên các loại hương khác"... cho đến "chư Thiên sống trên hương từ hương").

Chương XI: Tương Ứng Thần Mây

I. Chung Loại (S.iii,254)

1-2) Trú ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về chư Thiên thuộc loại thần mây. Hãy lắng nghe.

4) -- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là chư Thiên thuộc loại thần mây? Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây lạnh. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây nóng. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây sấm. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây gió. Có chư Thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây mưa.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, họ được gọi là chư Thiên thuộc loại thần mây.

II. Thiện Hành (S.iii,254)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo áy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh có trụ với chư Thiên thuộc loại thần mây?

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại thần mây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây!" Sau khi thân hoại mạng chung, loại (chúng sanh) ấy được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây.

III. Ủng Hộ Bồ Thí (S.iii,254)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc".

5) Họ suy nghĩ như sau: "Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh!"

Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh.

6) Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên thuộc loại thần mây lạnh.

IV-VII. Ủng Hộ Bó Thí (2-5) (S.iii,256)

(Như kinh trên, chỉ khác là "chư Thiên thuộc loại thần mây khác như thần mây nóng" ... "thần mây mưa").

VIII. Lạnh

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời lạnh?

4) -- Nay Tỷ-kheo, có chư Thiên được gọi là thần mây lạnh. Khi chư Thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống, hoan hỉ với tự thân". Tùy theo tâm nguyện của họ, trời lạnh.

5) Do nhân này, do duyên này, nay Tỷ-kheo, có khi trời lạnh.

IX. Trời Nóng (S.iii,256)

(Như kinh trên, chỉ khác "ở đây là trời nóng và thuộc chư Thiên thuộc loại mây nóng").

X. Trời Sấm

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây là trời sấm và thuộc chư Thiên loại mây sấm").

XI. Trời Gió

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây trời gió và thuộc chư Thiên loại mây gió").

XII. Trời Mưa

(Như kinh trên, chỉ khác ... "ở đây trời mưa và thuộc chư Thiên loại mây mưa").

Chương XII: Tương Ứng Vacchagota

I. Vô Tri (1) (S.iii,257)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagota đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagota bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số tà kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là không thường còn"; hay "Thế giới hữu biên" hay "Thế giới vô biên"; hay "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

4) -- Do vô tri đối với sắc, này Vaccha, do vô tri đối với sắc tập khởi, do vô tri đối với sắc đoạn diệt, do vô tri đối với con đường đưa đến sắc đoạn diệt, cho nên có những (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên đời: "Thế giới là thường còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường

còn"... hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Vô Tri (2)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với thọ").

Vô Tri (3)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với tướng").

Vô Tri (4)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với các hành").

Vô Tri (5)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với thức").

II. Vô Kiến (1-5)

(Như trên, ở đây là "vô kiến đối với sắc" ... "...thọ, ...tướng, ...các hành, ...thức").

III. Không Hiện Quán (anabhisamaya) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện quán năm uẩn").

IV. Không Liễu Tri (anubodha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không liễu tri năm uẩn")

V. Không Thông Đạt (appativebha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không thông đạt năm uẩn")

VI. Không Đẳng Quán (asallakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng quán năm uẩn")

VII. Không Tùy Quán (anupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không tùy quán năm uẩn")

VIII. Không Cận Quán (appaccupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận quán năm uẩn")

IX. Không Đẳng Sát (asamapekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng sát năm uẩn").

X. Không Cận Sát (appaccupekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận sát năm uẩn")

XI. Không Hiện Kiến (appaccakkhakamma) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện kiến năm uẩn")

Chương XIII: Tương Ứng Thiền

I. Thiền Định Thiền Chứng (Tập 31, Đại 2,222c) (S,iii,263)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu Thiền này. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, và cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được sanh tô; từ sanh tô được thực tô; từ thực tô được đề hồ. Đề hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về Thiền định trong Thiền

định và cũng thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

II. Chỉ Trú (S.iii,264)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị tu Thiền này. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, không thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền, thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa; từ sữa có lạc; từ lạc có sanh tô; từ sanh tô có thực tô; từ thực tô có đề hồ. Đề hồ được gọi là tối tôn.

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về Thiền định trong Thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú

trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

III. Xuất Khởi (Vutthàna)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

IV. Thuần Thục (Kallavà)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thuần thục" cho "thiện xảo về xuất khởi").

V. Sở DUYÊN (Arammana)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về sở duyên").

VI. Hành Cảnh (Gocara)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về hành cảnh").

VII. Sở NGUYỆT (Abhinnara)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về sở nguyệt").

VIII. Thận Trọng (Sakkaccakàrii)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thận trọng").

IX. Kiên Trì (Sàtacca)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về kiên trì").

X. Thích ứng (Sappàyam)

(Như kinh trên, chỉ đổi "thiện xảo về thích ứng").

XI. Chỉ Trú Trong Thiền Chứng (S.iii,269)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có bốn hạng tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu Thiền thiện xảo về Thiền chứng trong Thiền định và cũng thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

XII. Xuất Khởi Từ Thiền Chứng

((Nhu kinh trên, chỉ thế "thiện xảo về xuất khởi" thay cho "thiện xảo về chỉ trú").

XIII. Thuần Thục Trong Thiền Chứng

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thuần thục").

XIV. Sở Duyên Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về sở duyên").

XV. Hành Cảnh Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về hành cảnh").

XVI. Sở Nguyện Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về sở nguyện").

XVII. Thận Trọng Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thận trọng").

XVIII. Kiên Trì Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về kiên trì").

XIX. Thích ứng Trong Thiền Chứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thiện xảo về thích ứng").

XX. Chỉ Trú - Xuất Khởi (S.iii,272)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, cũng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định, và cũng thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

8-9) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về chỉ trú trong Thiền định và cũng thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, bậc tối thượng, tối diệu.

XXI - XXVII. Thuần Thục Cho Đến Thích ứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "thuần thục, sở duyên, hành cảnh, sở nguyện, thận trọng, kiên trì, thích ứng trong chỉ trú").

XXVIII. Xuất Khởi - Thuần Thục (S.iii,272)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng người tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thục trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thục trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, cũng không thiện xảo về thuần thục trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định, và cũng thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

8-9) Tại đây, vị tu Thiền thiện xảo về xuất khởi trong Thiền định và cũng thiện xảo về thuần thực trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng và tối diệu.

XXIX - XXXIV. Sở Duyên - Thích ứng

(Như kinh trên, chỉ thế vào "sở duyên" ... cho đến "thích ứng").

XXXV. Thuần Thực - Sở Duyên

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Có bốn hạng người tu Thiền này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, không thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, cũng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiền, thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, và cũng thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền thiện xảo về thuần thực trong Thiền định và cũng thiện xảo về sở duyên trong Thiền định. Trong bốn vị tu Thiền ấy, vị tu Thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là vị tối thượng, tối diệu.

XXXVI - XL. Thuần Thực (S.iii,275)

(Vị ấy thiện xảo về thuần thực trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về hành cảnh... (b) không thiện xảo về sở nguyện, (c) không thiện xảo về thận trọng, (d) không thiện xảo về kiên trì, (e) không thiện xảo về thích ứng).

XLI. Sở Duyên - Hành Cảnh

1-7) Nhân duyên ở Sàvatthi...

... thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định.

... không thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, cũng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

... thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, cũng thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.

XL.II-XL.V. Sở Duyên

... vị ấy thiện xảo về sở duyên trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về sở nguyện, (b) không thiện xảo về thận trọng, (c) không thiện xảo về kiên trì, (d) không thiện xảo về thích ứng.

XL.VI. Hành Cảnh - Sở Nguyện

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định.. .. thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định.. .. không thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, và cũng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định.

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định và cũng thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định.

XLVII-XLIX. Hành Cảnh

... thiện xảo về hành cảnh trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về thận trọng trong Thiền định, (b) không thiện xảo về kiên trì trong Thiền định, (c) không thiện xảo về thích ứng trong Thiền định.

L. Sở Nguyện - Thận Trọng

1-7) Nhân duyên ở Sàvatthi...

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong Thiền định.

... thiện xảo về thận trọng trong Thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định.

... không thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định, và cũng không thiện xảo về thận trọng trong Thiền định.

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định và cũng thiện xảo về thận trọng trong Thiền định.

LI-LII. Sở Nguyện Và Kiên Trì

... thiện xảo về sở nguyện trong Thiền định, nhưng (a) không thiện xảo về kiên trì, và (b) không thiện xảo về thích ứng.

LIII. Thận Trọng Và Kiên Trì

... thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.. .. thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định.

... không thiện xảo về thận trọng trong Thiên định, và cũng thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

... thiện xảo về thận trọng trong Thiên định và cũng thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

LIV. Kiên Trì Và Thích ứng (S.iii,277)

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi...

-- Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu Thiên này. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong Thiên định.

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về thích ứng trong Thiên định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định.

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, không thiện xảo về kiên trì trong Thiên định và cũng không thiện xảo về thích ứng trong Thiên định.

7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu Thiên, thiện xảo về kiên trì trong Thiên định, và cũng thiện xảo về thích ứng trong Thiên định.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu Thiên thiện xảo về kiên trì trong Thiên định và cũng thiện xảo về thích ứng trong Thiên định. Trong bốn vị tu Thiên ấy, người tu Thiên

này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, có được sữa; từ sữa có lạc; từ lạc có sanh tô; từ sanh tô có thực tô; từ thực tô có đề hồ. Và đề hồ được xem là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiền này đối với bốn vị tu Thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng, và tối diệu.

10) Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

(Như vậy có 55 câu trả lời vẫn tất cần phải giải thích cho rộng)

MỤC LỤC

Chương I: Tương Ứng Uẩn	5
A. Năm Mươi Kinh Căn Bản	5
I. Phẩm Nakulapita	5
II. Phẩm Vô Thường	29
III. Phẩm Gánh Nặng	35
IV. Phẩm Không Phải Của Các Ông	45
V. Phẩm Tự Minh Làm Hòn Đảo	55
B. Năm Mươi Kinh Ở Giữa	68
I. Phẩm Tham Luyện	68
II. Phẩm A-La-Hán	93
III. Phẩm Những Gì Được Ăn	103
IV. Phẩm Trưởng Lão	130
V. Phẩm Hoa	170
C. Năm Mươi Kinh Sau	193
I. Phẩm Biên	193
II. Phẩm Thuyết Pháp	198
III. Phẩm Vô Minh	208
IV. Phẩm Than Đổ	216
V. Phẩm Kiến	218
Chương II: Tương Ứng Ràdha	226
I. Phẩm Thứ Nhất	226
II. Phẩm Thứ Hai	232
III. Phẩm Sơ Vấn	234
IV. Phẩm Thân Cận	236
Chương III: Tương Ứng Kiến	237
I. Phẩm Dự Lưu	237
II. Phẩm Trùng Thuyết (1)	249
III. Phẩm Trùng Thuyết (2)	250
IV. Phẩm Trùng Thuyết (3)	250
V. Phẩm Trùng Thuyết (4)	251

Mục Lục

Chương IV: Tương Ứng Nhập	252
Chương V: Tương Ứng Sanh	255
Chương VI: Tương Ứng Phiền Não	257
Chương VII: Tương Ứng Sàriputta	259
Chương VIII: Tương Ứng Loài Rồng	266
Chương IX: Tương Ứng Kim Xí Điều	271
Chương X: Tương Ứng Càn Thát Bà	275
Chương XI: Tương Ứng Thần Mây	278
Chương XII: Tương Ứng Vacchagota.....	281
Chương XIII: Tương Ứng Thiên.....	284